

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐỀ ÁN NGOẠI NGỮ QUỐC GIA 2020**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



**TÀI LIỆU TẬP HUẤN
MÔ HÌNH TRƯỜNG THPT VÀ THCS ĐIỂN HÌNH**

**BÁO CÁO
TỔNG KẾT KINH NGHIỆM, XÂY DỰNG ĐƠN VỊ ĐIỂN HÌNH
VỀ ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ
KHỐI PHỔ THÔNG**

Nghệ An, 12/2014

TÀI LIỆU TẬP HUẤN MÔ HÌNH TRƯỜNG THPT VÀ THCS ĐIỂN HÌNH

BÁO CÁO TỔNG KẾT KINH NGHIỆM, XÂY DỰNG ĐƠN VỊ ĐIỂN HÌNH VỀ ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ KHỐI PHỔ THÔNG

Chỉ đạo chương trình:

PGS. TS. Đinh Xuân Khoa

Nhóm thực hiện:

PGS. TS. Ngô Đình Phương

PGS. TS. Lê Đình Tường

PGS. TS. Lê Công Thìn

TS. Trần Bá Tiến

TS. Trần Thị Ngọc Yên

TS. Nguyễn Hữu Quyết

TS. Đinh Phan Khôi

ThS. Phan Thị Hương

ThS. Hoàng Tăng Đức

ThS. Nguyễn Thị Kim Anh

ThS. Nguyễn Thị Lan Phương

Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Phan Thế Hoa

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hiện kế hoạch số 139/CV-ĐANN ngày 20/6/2014 của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia về việc hướng dẫn triển khai nhiệm vụ Đề án tăng cường triển khai dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân năm 2014, trường Đại học Vinh đã thành lập Ban chỉ đạo và thực hiện kế hoạch tập huấn, cử cán bộ khảo sát tại ba trường điển hình miền Trung bao gồm Trường Quốc học Huế, THPT Lê Viết Thuật, THCS Trung Đô (thành phố Vinh) để đưa ra mô hình trường phổ thông điển hình, chia sẻ kinh nghiệm và nhân rộng trong phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, mô hình này mới chỉ trong giai đoạn xây dựng, bắt đầu triển khai thí điểm một số hoạt động dưới dạng vừa làm vừa rút kinh nghiệm tại địa phương. Trên cơ sở thu thập số liệu của 621 học sinh THPT và 300 học sinh THCS, phỏng vấn nhà quản lý và giáo viên tiếng Anh và các cán bộ đoàn, nhóm chuyên môn tại các trường phổ thông, nhóm tác giả biên soạn bộ tài liệu tập huấn giới thiệu mô hình trường phổ thông điển hình. Do đặc thù mỗi địa phương khác nhau nên khó có thể áp dụng chung một mô hình cho các trường trên toàn quốc. Tài liệu này chỉ có tính gợi mở, định hướng. Tại hội thảo các đại biểu trao đổi chia sẻ kinh nghiệm và thảo luận những khó khăn vướng mắc khi triển khai mô hình tại địa phương. Tài liệu gồm có các phần chính: Quản lý hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, Mô hình phát triển nghề nghiệp cho giáo viên, Phương thức kiểm tra đánh giá theo mô hình trường phổ thông điển hình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam, Phương pháp giảng dạy hoạt động nhóm, Quản lý và tổ chức hoạt động ngoại khóa, mô hình câu lạc bộ tiếng Anh (có các kịch bản đi kèm để học sinh có thể tự tổ chức), Mô hình trang thiết bị trường phổ thông điển hình, và Khai thác công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ.

Nhóm tác giả nghiên cứu và giới thiệu mô hình trường phổ thông điển hình xin chân thành cảm ơn Ban Quản lý Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 – Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ban Giám hiệu Trường Đại học Vinh đã chỉ đạo và tạo điều kiện trong quá trình thực hiện chương trình.

MỤC LỤC

	Trang
• Vai trò của Nhà trường và Tổ bộ môn tiếng Anh trong xây dựng mô hình đơn vị điển hình về đổi mới toàn diện dạy và học ngoại ngữ ở bậc phổ thông	5
• Hoạt động chuyên môn và phát triển nghiệp vụ ở trường phổ thông điển hình	15
• Kiểm tra đánh giá môn ngoại ngữ ở các trường phổ thông điển hình	30
• Tổ chức dạy học theo nhóm (Let's work together: Maximizing student group work in your classroom)	48
• Hoạt động ngoại khóa nâng cao năng lực học ngoại ngữ cho học sinh THCS và THPT	59
• Kinh nghiệm quản lý và tổ chức hoạt động ngoại khóa tại trường THPT Lê Việt Thuật	
• Công nghệ thông tin ứng dụng thế nào tại trường THPT và THCS điển hình	
• Cơ sở vật chất phục vụ dạy học ngoại ngữ tại trường phổ thông điển hình	
• Phụ lục	100

VAI TRÒ CỦA NHÀ TRƯỜNG VÀ TỔ BỘ MÔN TIẾNG ANH TRONG XÂY DỰNG MÔ HÌNH ĐƠN VỊ ĐIỂN HÌNH VỀ ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ Ở BẬC TRUNG HỌC

Để thực hiện thành công nhiệm vụ đổi mới dạy và học ngoại ngữ ở bậc phổ thông, các trường THCS và THPT cần đổi mới căn bản về mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình, tài liệu học tập, phương pháp dạy – học, cách đánh giá, cách tổ chức quản lí lớp học, cơ sở vật chất phục vụ cho dạy – học. Vai trò quản lí của Trường và Tổ bộ môn Tiếng Anh là một trong những yếu tố quan trọng quyết định tính hiệu quả của quá trình này. Dựa trên kết quả khảo sát 03 mô hình trường điển hình Trường THPT Quốc học Huế, THPT Lê Viết Thuật và THCS Trung Đô (thành phố Vinh) và dựa trên các văn bản hướng dẫn của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia và Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban chuyên môn Hội thảo đề xuất một số nội dung về xây dựng mô hình trường phổ thông điển hình để các đại biểu Hội thảo thảo luận, góp ý và đưa ra mô hình phù hợp đặc điểm của địa phương và điều kiện cụ thể của từng trường.

Mục tiêu của mô hình trường điển hình bao gồm: Đổi mới công tác dạy học ngoại ngữ theo hướng phát triển kỹ năng; đổi mới kiểm tra đánh giá học sinh theo chuẩn Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam; phát triển tiếng Anh cộng đồng tạo môi trường tiếng Anh cho học sinh và giáo viên; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và phần mềm học liệu phục vụ dạy và học tiếng Anh theo mô hình trường điển hình.

1. Lập kế hoạch xây dựng đơn vị điển hình về đổi mới toàn diện dạy và học ngoại ngữ

Nhà trường cử cán bộ quản lí tham gia khóa bồi dưỡng năng lực xây dựng kế hoạch và quản lí do Bộ GD & ĐT và ĐANN tổ chức, hoặc đến học tập kinh nghiệm từ một trường đã được xây dựng thành mô hình điển hình.

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động xây dựng trường thành đơn vị điển hình và trình Sở GDĐT phê duyệt. Kế hoạch cần nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình, kinh phí thực hiện và kết quả sẽ đạt được trong từng giai đoạn cụ thể, đồng thời cam kết thực hiện theo đúng phê duyệt của Sở GDĐT. Căn cứ của kế hoạch bao gồm:

- Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020;
- Thông tư số 40/2013/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 10/4/2013 hướng dẫn, quản lý sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo giai đoạn 2012-2015;
- Công văn số 9029/BGDĐT-KHTC ngày 17/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo năm 2014;
- Công văn số 63/BGDĐT-KHTC ngày 06/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo cho Đề án 2020;
- Công văn số 11/CV-ĐANN ngày 25 tháng 01 năm 2014 của Ban quản lý Đề án Ngoại ngữ 2020 về việc Hướng dẫn nhiệm vụ Đề án Ngoại ngữ 2020 năm 2014;
- Công văn số 4211/BGDĐT-ĐANN ngày 08/8/2014 về Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh và cán bộ quản lý;
- Các Quyết định, công văn và hướng dẫn thực hiện Đề án Ngoại ngữ Quốc gia của UBND tỉnh và Sở Giáo dục và Đào tạo liên quan đến việc triển khai mô hình trường điển hình.

2. Kế hoạch đảm bảo chuẩn đầu ra

Theo lộ trình của Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020 và kế hoạch của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020, chuẩn đầu ra của khối THCS là Bậc 2 và Bậc 3 đối với THPT (Chi tiết định dạng đề thi và yêu cầu chuẩn kiến thức Bậc 2 và Bậc 3 xin xem Phụ lục đính kèm). Trên thực tế hiện nay, trình độ tiếng Anh của học sinh không đồng đều. Chương trình học so với thời lượng phân bổ còn nặng

đối với một bộ phận lớn các học sinh. Do vậy, Nhà trường cần chỉ đạo Tổ chuyên môn thực hiện các công việc sau.

2.1. Về chương trình, nội dung và định hướng phương pháp giảng dạy

- Tổ (nhóm) bộ môn tiếng Anh trực tiếp xây dựng kế hoạch dạy học, chọn lọc các nội dung chương trình phù hợp, tự sắp xếp chỉnh sửa bài học phù hợp với năng lực và tâm sinh lý học sinh.

- Sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, áp dụng mô hình dạy học dự án cho mỗi chủ đề bài học

2.2. Về phân phối chương trình

- Tăng thêm 1 tiết trên tuần cho mỗi lớp, cụ thể cho năm học 2014-2015 như sau:

- Lớp 6: 4 tiết / tuần ; Lớp 10: 4 tiết / tuần

3. Phát triển và hỗ trợ giáo viên

Đào tạo, phát triển và hỗ trợ giáo viên là nền tảng cho sự thành công trong các hoạt động trường học và thay đổi cách thức quản lý, và là một yếu tố quan trọng góp phần vào sự thành công của học sinh. Đề án Ngoại ngữ Quốc gia đã đề ra chuẩn năng lực cần thiết đối với giáo viên tiếng Anh bao gồm:

- Kiến thức về môn học
- Kiến thức nghiệp vụ sư phạm
- Kiến thức về người học và đặc điểm tâm sinh lý của người học
- Thái độ và giá trị nghề nghiệp gắn với các khối kiến thức
- Trau dồi chuyên môn trong quá trình giảng dạy và am hiểu điều kiện thực tế địa phương

(Competency framework for English language teachers: User's guide, National Foreign Language 2020 Project, 2013)

Do vậy, các hoạt động phát triển nghề nghiệp của giáo viên cần được lập kế hoạch dựa trên khung năng lực trên.

3.1 Yêu cầu về chuẩn trình độ Tiếng Anh của giáo viên

Nhà trường cần chỉ đạo xây dựng đội ngũ giáo viên dạy giỏi đạt chuẩn theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (Trung học cơ sở: bậc 4; Trung học phổ thông: bậc 5), có lộ trình cụ thể đối với các giáo viên chưa đạt chuẩn năng lực tiếng Anh theo quy định: Bậc 4 đối với giáo viên THCS và Bậc 5 đối với giáo viên THPT. Khuyến khích giáo viên thi lấy chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và có chế độ khen thưởng phù hợp để động viên giáo viên đạt chuẩn năng lực tiếng Anh, đặc biệt đối với những người có chứng chỉ quốc tế.

Đối với giáo viên chưa đạt chuẩn, yêu cầu phải báo cáo Bộ môn và Ban giám hiệu về kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ và cam kết thực hiện. Khuyến khích giáo viên tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn bằng phần mềm học ngoại ngữ trực tuyến hoặc offline. Đây là một trong những phương pháp học hiệu quả mà không ảnh hưởng đến công tác chuyên môn của Nhà trường.

Xây dựng qui định khi cần tuyển mới: Tuyển GV giảng dạy tiếng Anh tốt nghiệp đại học loại giỏi, ưu tiên những giáo viên đã có trình độ Ths, có chứng chỉ FCE hoặc IELTS và các chứng chỉ Quốc tế tương đương Bậc 4 và Bậc 5 theo quy định.

3.2 Chú trọng công tác nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên

Cử giáo viên tham gia các đợt tập huấn, các lớp bồi dưỡng ở trong nước theo chương trình nâng cao năng lực giáo viên các trường điển hình của Đề án về năng lực sử dụng tiếng Anh trong dạy học; phương pháp dạy học; ứng dụng CNTT và TT trong dạy học tiếng Anh; kiểm tra, đánh giá; lựa chọn và chỉnh sửa tài liệu dạy học; tổ chức và quản lý các chương trình tiếng Anh trực tuyến cho học sinh; tổ chức và quản lý các hoạt động ngoại khóa tiếng Anh cho học sinh.

Việc cử giáo viên tham gia các khóa học bồi dưỡng, tập huấn không phải luôn luôn thuận lợi. Giáo viên, đặc biệt là giáo viên nữ, rất miễn cưỡng vì những lý do gia đình và áp lực thi cử. Vì vậy, Ban giám hiệu cần phải kiên quyết trong việc yêu cầu giáo viên tham gia các đợt tập huấn bồi dưỡng của Đề án và các Sở tổ chức nhằm nâng cao trình độ, coi đây là một trong những yêu cầu của công việc.

Đồng thời, Ban giám hiệu cần thấu hiểu những khó khăn của giáo viên để quan tâm và chia sẻ, xây dựng cơ chế trợ giúp các thầy cô giáo tham gia các đợt tập huấn. Xây dựng cơ chế hỗ trợ để khuyến khích giáo viên tiếng Anh chủ động tự bồi dưỡng nâng cao năng lực ngôn ngữ thông qua các lớp bồi dưỡng trực tuyến, các khóa học ngắn hạn.

Giáo viên có trách nhiệm xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu dạy học phù hợp năng lực học sinh và ra đề nguồn cho các bài thi cuối kỳ. Giáo viên phải có nhật ký dạy học ghi lại những kinh nghiệm thực tế về nội dung và phương pháp dạy học. Cuối mỗi học kỳ và năm học phải báo cáo (có xác nhận của nhà trường) gửi về Sở GD&ĐT.

3.3 Sinh hoạt học thuật

Sinh hoạt chuyên môn là hoạt động quan trọng để nâng cao chất lượng giảng dạy ngoại ngữ. Đây là diễn đàn để các đồng nghiệp chia sẻ kinh nghiệm và thảo luận giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình giảng dạy. Nhà trường cần chỉ đạo Tổ bộ môn tổ chức semina hoặc hội thảo thường kỳ, đưa vào kế hoạch từ đầu năm để Bộ môn thực hiện.

Bên cạnh sinh hoạt học thuật nội bộ, cũng cần có sinh hoạt chuyên môn và hội thảo giữa các trường trên địa bàn. Các sáng kiến kinh nghiệm cần được nhân rộng và chia sẻ với đồng nghiệp.

4. Chương trình, nội dung và định hướng phương pháp giảng dạy

4.1 Chương trình, nội dung

Nhà trường cần có định hướng mục tiêu dạy học và xây dựng qui định cho phép Tổ bộ môn Tiếng Anh chủ động chọn lọc nội dung, điều chỉnh nội dung và bổ sung tài liệu phù hợp với nội dung của mỗi đơn vị bài học trong một đơn vị bài học.

Tổ bộ môn tiếng Anh trực tiếp xây dựng kế hoạch dạy học, chọn lọc các nội dung chương trình phù hợp, điều chỉnh nội dung và sắp xếp bài học phù hợp với năng lực và tâm sinh lý học sinh.

4.2 Tổ chức hoạt động dạy học

Nhà trường có định hướng phương pháp dạy học, sử dụng mô hình trường học kiểu mới; tổ chức tập huấn cho giáo viên về mô hình trường học kiểu mới và những thay

đổi trong mục tiêu, phương pháp dạy học, cách thức tổ chức lớp học, nhiệm vụ của giáo viên và học sinh.

Chỉ đạo thành lập các nhóm học tập gồm 5-10 học sinh trong mỗi lớp học. Cách thức tổ chức lớp học theo các nhóm tạo điều kiện cho học sinh được trải nghiệm, khám phá, tự chiếm lĩnh kiến thức. Mọi quan hệ, tương tác giữa học sinh với giáo viên, và quan hệ giữa học sinh với nhau được tăng cường. Mô hình này chú trọng hoạt động tự giáo dục của học sinh, bao gồm tự quản - tự học - tự đánh giá.

Mục tiêu: Lấy “hoạt động học” làm trung tâm, chuyển từ cách dạy giảng giải, truyền thụ một chiều sang cách dạy phát huy sự mạnh dạn, tự tin, tính chủ động và năng lực tự học của học sinh.

Nhiệm vụ của giáo viên: Thầy cô hướng dẫn học sinh tự học theo nhóm, đi đến các nhóm học sinh để quan sát, theo dõi và kịp thời hỗ trợ khi các em cần giúp đỡ.

Bố trí chỗ ngồi cho học sinh: Học sinh thay vì ngồi hướng mặt đồng loạt lên bục giảng, các em ngồi học theo nhóm, có nhóm trưởng luân phiên điều hành.

Công cụ: (1) Công cụ tự quản: Hội đồng tự quản, tổ chức của học sinh. Tổ chức này vì học sinh và do học sinh bầu ra dưới sự hướng dẫn của giáo viên. (2) Các công cụ khác: góc học tập, góc cộng đồng, thư viện lớp học, các hộp thư “điều em muốn nói”, “hộp thư bè bạn”.

Bài tập về nhà: Ngoài các hoạt động học tập chung của cả lớp, giáo viên giao bài tập nhóm để học sinh cùng thực hiện, giúp học sinh rèn luyện và phát triển kỹ năng cộng tác làm việc nhóm, kỹ năng tự học, kỹ năng giải quyết vấn đề, v.v. Mỗi học kỳ, giáo viên giao cho học sinh thực hiện 02 bài tập nhóm, học sinh trình bày bài tập trước lớp vào các giờ hoạt động ngoại khóa. Giáo viên có thể hướng dẫn, tổ chức cho cả lớp nhận xét, đánh giá kết quả bài tập của các nhóm.

5. Phân công giảng dạy phù hợp

Chương trình sách giáo khoa hiện nay đã phân chia rõ 4 kỹ năng trong một đơn vị bài học, các em học sinh đều phải học cả 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết. Vì vậy Nhà

trường và Tổ bộ môn cần phân công giáo viên giảng dạy một cách hợp lý dựa vào năng lực, trình độ nghiệp vụ sư phạm của giáo viên.

6. Kiểm tra đánh giá

Hình thức đánh giá căn cứ vào điểm số của bài kiểm tra giữa kỳ, bài kiểm tra cuối học kỳ I và cuối năm học để xếp loại học sinh, không coi trọng đánh giá quá trình học của học sinh có thể dẫn đến áp lực cho các em và làm nảy sinh bệnh thành tích trong dạy học.

Vì vậy, Nhà trường cần điều chỉnh hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh thông qua cả hai hình thức: điểm đánh giá quá trình và điểm bài kiểm tra, chuyển dần từ việc đánh giá nặng nề kiến thức sang đánh giá toàn diện năng lực và phẩm chất của học sinh, chuyển từ đánh giá kết quả, chú trọng về điểm số sang nhận xét đánh giá quá trình học tập của học sinh, góp phần tích cực giúp giáo viên đổi mới phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và giúp học sinh đổi mới phương pháp học tập theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động tìm tòi, khám phá, lĩnh hội kiến thức, tự giác tự học, tự tin trong học tập, rèn luyện, có cơ hội phát huy cao nhất năng lực của mình.

Nhà trường tổ chức tập huấn giáo viên tiếng Anh về đổi mới kiểm tra đánh giá. Yêu cầu giáo viên phải đổi mới cách kiểm tra và đánh giá phù hợp với trình độ và năng lực của học sinh và mức độ yêu cầu đối với học sinh của các ban.

Tổ chức hội thảo, mời giáo viên đang dạy chương trình tiếng Anh thí điểm tại các trường trong tỉnh cùng thảo luận, xây dựng bộ đề nguồn cho từng cấp độ.

Các tiêu chí kiểm tra đánh giá như sau:

- Đánh giá quá trình học tập: 20%
- Bài kiểm tra giữa kỳ: 30% (Bài kiểm tra 01 tiết)
- Bài thi cuối kỳ: 50% (kiểm tra 04 kỹ năng. Tranh thủ các tiết dẫn

chương trình để tổ chức kiểm tra kỹ năng Nói.

7. Giám sát chất lượng các hoạt động dạy học

Nhà trường cần quản lý công tác triển khai dạy học của Tổ bộ môn Tiếng Anh. Kiểm tra, hướng dẫn, động viên và có hình thức khen thưởng những giáo viên có thành

tích tốt trong giảng dạy: đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp thành phố, cấp tỉnh; giáo viên bồi dưỡng học sinh giỏi đạt giải các cấp.

Thành lập Hội đồng chuyên môn có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chất lượng dạy học thông qua các hình thức thăm lớp, dự giờ, tham khảo nhật ký dạy học của giáo viên nhằm kịp thời động viên, nhắc nhở đối với những giáo viên có chất lượng giảng dạy chưa cao và có hình thức khen thưởng các cá nhân có bài giảng được đánh giá tốt; nắm bắt được những khó khăn của giáo viên và học sinh trong qua trình dạy học để kịp thời chỉ đạo Tổ bộ môn có những điều chỉnh phù hợp trong nội dung và phương pháp giảng dạy.

Nhà trường nắm được thông tin phản hồi từ phía học sinh đối với việc giảng dạy ngoại ngữ của giáo viên qua các cuộc phỏng vấn nhanh, các buổi sinh hoạt lớp, qua kênh thông tin của phụ huynh.

8. Tạo môi trường sử dụng tiếng Anh bên ngoài lớp học

Chỉ đạo xây dựng, thực hiện phong trào học tập và sử dụng tiếng Anh tại trường một cách mạnh mẽ, toàn diện, triệt để. Khuyến khích giáo viên và học sinh tổ chức các buổi sinh hoạt câu lạc bộ Tiếng Anh trong các giờ học ngoại khóa, tạo môi trường để giáo viên học sinh cùng đua nhau sử dụng tiếng Anh.

Nhận thức rõ vai trò của các trường đại học và cao đẳng, các trung tâm ngoại ngữ đóng trên địa bàn và các tổ chức quốc tế, lập kế hoạch mời giảng viên và sinh viên các trường đại học và cao đẳng cũng như các trung tâm ngoại ngữ quốc tế tham gia giúp đỡ về hình thức tổ chức và nội dung của các hoạt động ngoại khóa như các buổi sinh hoạt câu lạc bộ Tiếng Anh, các cuộc thi hùng biện Tiếng Anh, các chuyến dã ngoại cho các em học sinh.

Nhà trường lên kế hoạch thuê giáo viên bản ngữ có năng lực làm việc trên địa bàn dạy một số tiết tăng cường để giáo viên tiếng Anh của trường dự giờ, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy.

Mỗi năm, Trường cấp kinh phí để tổ chức các cuộc thi nói tiếng Anh cho học sinh toàn trường. Tổ bộ môn chủ động tổ chức các hoạt động khác như các buổi sinh hoạt câu

lạc bộ tiếng Anh qui mô nhỏ của từng lớp hay liên kết 2 hoặc 3 lớp; tổ chức các buổi trình bày bài tập nhóm.

Nhà trường liên hệ với các trường đại học, các trung tâm ngoại ngữ, các bảo tàng và các địa điểm lịch sử trên địa bàn để tổ chức các chuyến dã ngoại cho học sinh tìm hiểu về các chủ đề khác nhau và yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm để chuẩn bị trình bày một báo cáo ngắn bằng tiếng Anh.

9. Khuyến khích khai thác các nguồn học liệu

Giáo viên cần chia sẻ, trao đổi với đồng nghiệp về nội dung giảng dạy và những bài tập cần hỗ trợ cho học sinh. Tổ bộ môn Tiếng Anh đặt hàng cho giáo viên tìm các nguồn tài liệu từ sách báo, tạp chí, tài liệu trực tuyến, các chương trình trên truyền hình, kết hợp với sách giáo khoa, biên tập lại để phù hợp với nội dung các đơn vị bài học, nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Đề xuất Nhà trường hỗ trợ kinh phí cho tài liệu bổ trợ này. Tài liệu sau khi được nghiệm thu là tài liệu chung cho các giáo viên trong Tổ.

Tuy nhiên, cần lưu ý các nguồn tài liệu lấy từ Internet không hoàn toàn đáng tin cậy về mặt nội dung và kiến thức. Do đó, cần thận trọng và có định hướng cho giáo viên khi khai thác nguồn tài liệu này.

10. Cơ sở vật chất, thiết bị và phần mềm dạy học ngoại ngữ

Việc đưa phương pháp giáo dục mới để đổi mới dạy – học ngoại ngữ cần phải có nhiều yếu tố đồng bộ, trong đó cần phải có cơ sở vật chất đồng bộ. Nhằm phục vụ đổi mới dạy và học ngoại ngữ, Nhà trường cần lập kế hoạch xây dựng và mua sắm các thiết bị dạy học:

- Xây dựng phòng học chuyên dụng có máy tính có trang bị headphone và phần mềm học tiếng Anh cho giáo viên và học sinh

- Xây dựng phòng học ngoại ngữ có máy chiếu và bảng tương tác phục vụ dạy học phát triển kỹ năng ngôn ngữ và tổ chức hoạt động ngoại khóa, tạo được môi trường ngôn ngữ cho học sinh.

- Bổ sung máy quay đĩa (cassette player) để phục vụ dạy học kỹ năng nghe trong các lớp học bình thường, có đủ cơ số để đảm bảo mỗi lớp được sử dụng ít nhất mỗi tuần 01 tiết học có đài.

- Tận dụng các nguồn tài liệu học trực tuyến miễn phí và có thể sử dụng phần mềm thương mại để trang bị cho cả giáo viên và học sinh bằng hình thức xã hội hóa.

11. Xã hội hóa

Với kinh phí hạn hẹp, cần huy động nguồn lực hỗ trợ tài chính từ phía phụ huynh cho việc mua sắm trang thiết bị phục vụ dạy học tiếng Anh. Để tránh “lạm thu” và thực hiện xã hội hóa thành công, Nhà trường phải định hướng rõ ràng để tránh đầu tư không đúng mục đích. Nhà trường cần lập kế hoạch mua sắm trang thiết bị cần thiết, có sự tham gia của hội phụ huynh, thành lập Ban kiểm tra, giám sát từ khâu mua sắm đến quá trình sử dụng. Toàn bộ quá trình mua sắm hoặc xây dựng cần đảm bảo sự minh bạch.

12. Phối hợp giữa Nhà trường và Gia đình trong quá trình dạy học

Khai thác sự động viên và khuyến khích của Phụ huynh học sinh là việc làm cần thiết để thực hiện thành công quá trình xây dựng đơn vị điển hình về đổi mới dạy học ngoại ngữ.

Nhà trường cần gắn kết phụ huynh vào quá trình học tập của học sinh từ việc xác định mục tiêu ban đầu cho đến khi các đạt được những thành tích. Cung cấp thông tin về nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy để đảm bảo rằng các bậc phụ huynh luôn được cập nhật và tham gia vào việc học tập của con em mình.

Mời phụ huynh tham gia vào các buổi sinh hoạt ngoại khóa để phụ huynh hiểu rõ và góp ý xây dựng cho các hoạt động đó có ngày càng có hiệu quả hơn.

HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN VÀ PHÁT TRIỂN NGHIỆP VỤ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG ĐIỂN HÌNH

1. Đặt vấn đề

Điều 80, Mục 3, Chương IV, Luật giáo dục 2005 về bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhà giáo ghi rõ “Nhà nước có chính sách bồi dưỡng nhà giáo về chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ và chuẩn hóa nhà giáo”. Như vậy có thể hiểu rằng Chính phủ sẽ điều chỉnh các chính sách nhằm mục đích tăng cường phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên phổ thông để giúp họ đạt được trình độ theo yêu cầu.

Ngày 30 tháng 9 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã duyệt Đề án *Day và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020* với mục tiêu đổi mới toàn diện việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, triển khai chương trình dạy và học ngoại ngữ mới ở các cấp học và các trình độ đào tạo để hướng tới sự phát triển toàn diện nguồn nhân lực có đủ năng lực ngoại ngữ để sử dụng độc lập, tự tin trong giao tiếp, học tập và làm việc trong môi trường hội nhập, đa ngôn ngữ, đa văn hoá nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Mục tiêu của Đề án là đến năm 2020 học sinh tốt nghiệp tiểu học đạt trình độ bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNN), học sinh tốt nghiệp THCS đạt trình độ bậc 2 theo KNLNN, học sinh tốt nghiệp THPT đạt trình độ bậc 3 theo KNLNN. Học sinh/ sinh viên tốt nghiệp trường nghề đạt trình độ tối thiểu là bậc 2 và bậc 3 theo KNLNN sau khi tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục đại học không chuyên ngữ phải đạt trình độ tối thiểu là bậc 3 theo KNLNN. Sinh viên tốt nghiệp tại các cơ sở giáo dục đào tạo chuyên ngữ phải đạt trình độ bậc 4 đối với hệ cao đẳng và bậc 5 đối với hệ đại học.

Để đạt được mục tiêu trên, Đề án đã đưa ra 6 giải pháp trong đó giải pháp 2 nhấn mạnh đến việc tổ chức rà soát quy hoạch, xây dựng kế hoạch đào tạo, thiết kế các khung chương trình đào tạo và đào tạo lại; tổ chức các chương trình tuyển dụng giáo viên và giảng viên ở các cơ sở đào tạo trên cả nước để đáp ứng yêu cầu về chất lượng của các cấp độ đào tạo; đánh giá các nguồn lực đào tạo ngoại ngữ hiện hành, đặc biệt là trong khối đào tạo chung; thiết lập các kế hoạch hàng năm để tuyển dụng, đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ, thực nghiệm các kế hoạch tuyển dụng giáo viên ngoại ngữ, đào tạo và đào tạo lại ở các cấp khác nhau để hỗ trợ và tiêu chuẩn hóa các điều kiện dành cho giáo viên ngoại ngữ.

Để hỗ trợ việc nâng cao năng lực nghề nghiệp cho giáo viên tiếng Anh phổ thông, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh theo Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) đã xây dựng văn bản xác định Yêu cầu cơ bản về năng lực giáo viên tiếng Anh phổ thông (Kèm theo công văn số: 792/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Yêu cầu này bao gồm các tiêu chí về kiến thức và kỹ năng cần đạt đối với giáo viên phổ thông trên năm lĩnh vực:

- Kiến thức về môn học và chương trình;
- Kiến thức về dạy học tiếng Anh;
- Kiến thức về học sinh;
- Giá trị và thái độ nghề nghiệp;
- Kết nối và rút kinh nghiệm về dạy học tiếng Anh.

Giáo viên tiếng Anh phải đạt bậc 4/6 (đối với giáo viên tiểu học và trung học cơ sở), bậc 5/6 (đối với giáo viên trung học phổ thông) theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Ngoài ra giáo viên phải hiểu biết những nét cơ bản về văn hóa của các nước nói tiếng Anh; có khả năng so sánh, đối chiếu với văn hóa Việt Nam và đưa các kiến thức văn hóa vào việc giảng dạy. Hơn nữa, giáo viên còn phải biết khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để hỗ trợ cho việc dạy và học tiếng Anh. Bên cạnh đó giáo viên cần phải có khả năng tổ chức quá trình dạy học, sử dụng các phương pháp và kỹ

thuật dạy học khác nhau để dạy tốt các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết cho học sinh ở từng cấp học phổ thông. Giáo viên có khả năng lựa chọn các hình thức đánh giá kết quả học tập của học sinh và biết lựa chọn giáo trình, các tài liệu tham khảo phù hợp phục vụ cho công tác giảng dạy.

Ngoài kiến thức chuyên môn, giáo viên phải có kiến thức về học sinh, nắm được quy luật phát triển nhận thức, tâm sinh lý của học sinh, có sự điều chỉnh hoạt động dạy học cho phù hợp với học sinh. Giáo viên cũng cần thực hành tư duy sáng tạo và tư duy phê phán để tự nâng cao trình độ và áp dụng vào giảng dạy để giúp học sinh phát triển các kỹ năng sáng tạo và tư duy phê phán phù hợp với cấp học của mình.

Có thể nói rằng Yêu cầu cơ bản về năng lực giáo viên tiếng Anh phổ thông là sự cụ thể hóa và thống nhất với Chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp học, được vận dụng linh hoạt trong quá trình đánh giá giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên nhằm khuyến khích, động viên giáo viên tiếng Anh phấn đấu nâng cao năng lực nghề nghiệp.

Bên cạnh các văn bản pháp quy đã được đề cập ở trên, bản thân giáo viên cũng cần phải nhìn nhận vấn đề tự nâng cao kiến thức và năng lực phát triển chuyên môn nghiệp vụ là một trong các nhiệm vụ chính của nhà giáo. Theo Brown (2007), quá trình dạy học của giáo viên cũng chính là quá trình học tập suốt đời của họ. Một số nhà nghiên cứu khác như Richards và Farrell (2005) đã đề ra một khung chương trình phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên ngoại ngữ, bao gồm bốn yếu tố: học kỹ năng (kỹ năng dạy, kỹ năng soạn bài, kỹ năng đánh giá...), quá trình tri nhận (kiến thức kinh nghiệm, các khái niệm tri nhận về dạy và học...), tự phát triển (kiến thức và kỹ năng của giáo viên được tự phát triển và củng cố thường xuyên, kiến thức và kỹ năng mới được bổ sung vào...), và suy ngẫm (giáo viên dành thời gian suy ngẫm về các hoạt động giảng dạy của mình và hoạt động học của học sinh...)

Nhận định được tầm quan trọng của việc phát triển chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên, Đề án 2020 đã vạch ra các định hướng quan trọng để từ đó, các trường Đại học Ngoại ngữ trong cả nước xây dựng, thiết kế chương trình đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên tiếng Anh. Một ví dụ điển hình là Chương trình bồi dưỡng

phương pháp giảng dạy cho giáo viên tiếng Anh THPT của Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế. Chương trình này được thiết kế dựa trên nguyên lý cơ bản về củng cố kiến thức và áp dụng kiến thức vào thực tế nhằm giúp cho giáo viên thấy rõ mối quan hệ giữa nội dung đào tạo và thực tế dạy và học tiếng Anh ở THPT, đồng thời tạo cơ hội cho giáo viên được chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình công tác.

Trong báo cáo này, chúng tôi đề cập đến tình hình thực tế của việc phát triển chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên ở trường trọng điểm ở hai cấp THCS và THPT. Dựa trên tình hình thực tế và ý kiến đề xuất của giáo viên và học sinh các trường này, dựa trên các chương trình phát triển chuyên môn nghiệp vụ đã được đề án 2020 phê duyệt, dựa trên các nguyên lý về phát triển chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm thực tế, chúng tôi nêu ra mô hình điển hình cho các hoạt động chuyên môn và phát triển nghiệp vụ cho giáo viên THPT và THCS.

2. Tình hình thực tế

Dưới đây là một số thông tin cơ bản liên quan đến hoạt động chuyên môn và phát triển nghiệp vụ của giáo viên tiếng Anh ở các trường THCS và THPT trọng điểm:

a. Giáo án

+ Thông tin chung: Các giáo viên phải dạy khoảng 18 đến 25 tiết mỗi tuần. Mỗi tiết dạy đều phải có giáo án soạn trước. Sổ giáo án có thể không cần có tất cả các bài học ngay từ đầu năm, chỉ cần trước khi dạy tiết nào phải giáo viên phải có giáo án của tiết đó là được. Hầu hết các giáo viên đều cho rằng mặc dù khối lượng giờ dạy hơi cao nhưng họ có thể bố trí và sắp xếp thời gian biểu hợp lý và phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo

+ Kiểm tra giáo án: Thông thường sổ giáo án của giáo viên tiếng Anh được kiểm tra định kỳ 02 lần/năm, hoặc đột xuất, do hiệu phó và hiệu trưởng thực hiện. Đoàn thanh tra của Phòng hoặc Sở Giáo dục kiểm tra giáo án giáo viên từ một đến hai lần trong một năm. Tuy nhiên các hoạt động kiểm tra này hầu như mang tính hình thức và chưa thực sự được thực hiện từ góc độ chuyên môn.

+ Hình thức trình bày giáo án: Phần lớn giáo viên tiếng Anh soạn giáo án theo mẫu mình tự tìm, hoặc lấy được từ đồng nghiệp trong hoặc ngoài trường, từ những nguồn tư liệu (sách thiết kế bài giảng hoặc các giáo án có sẵn trên internet) rồi điều chỉnh cho phù hợp với bản thân từng giáo viên. Tuy nhiên, nội dung giáo án vẫn được dựa vào sách hướng dẫn giáo viên và có thể linh động tùy theo từng bài hoặc từng lớp. Một số trường yêu cầu khá khắc khe về giáo án môn tiếng Anh phải theo đúng chuẩn và phải giống như giáo án của các môn khác. Tuy nhiên vẫn có trường cho phép giáo viên tự chủ động thiết kế giáo án theo mẫu phù hợp với đặc điểm riêng biệt của môn tiếng Anh.

+ Hoàn thiện và thay đổi giáo án: Các giáo viên thường xuyên trao đổi giáo án trong nhóm dạy cùng lớp hoặc trao đổi giữa các nhóm để rút kinh nghiệm và chia sẻ thông tin cũng như phương pháp giảng dạy. Giáo án của từng giáo viên có thể giữ nguyên hoặc chỉnh sửa từ năm này sang năm khác.

b. Họp chuyên môn

+ Thông tin chung: Ở nhiều trường, giáo viên tiếng Anh được xếp cùng tổ với các nhóm giáo viên khác như Thể dục, Mỹ thuật. Do đó, các giờ họp chuyên môn thường không trùng với các giờ họp tổ hành chính.

+ Tần suất và nội dung họp tổ chuyên môn: Thông thường các tổ tiếng Anh họp chuyên môn hai tuần một lần. Các buổi họp thường tập trung vào thảo luận các bài học khó trong các sách giáo khoa, thảo luận và chia sẻ về cách ra đề kiểm tra, lập ma trận, nội dung kiểm tra đánh giá, bàn kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa liên quan đến tiếng Anh, rút kinh nghiệm sau dự giờ...

+ Đánh giá chung: Phần lớn giáo viên đánh giá về các buổi họp này là chưa thực sự có hiệu quả và đôi khi còn chưa có câu trả lời xác đáng về những vấn đề chuyên môn mà họ quan tâm do chưa có những người thực sự có uy tín về chuyên môn đứng ra tư vấn hoặc giải thích các vấn đề mà giáo viên tranh cãi hoặc thắc mắc.

c. Giảng dạy trên lớp

+ Thông tin chung: Các giáo viên hầu hết nhận thức được vai trò quan trọng của việc đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Anh. Họ nắm được bản chất và đặc điểm của

từng phương pháp hoặc kỹ thuật dạy học cơ bản mặc dù có thể chưa thực sự áp dụng đúng cách và hiệu quả các phương pháp và kỹ thuật này. Phần lớn đều cho rằng nên áp dụng nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau cho các mục tiêu và đối tượng khác nhau và nên ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong các bài giảng.

+ Phương pháp và tổ chức hoạt động dạy học: Các giáo viên đều khẳng định mình đi theo đường hướng giao tiếp, lấy người học làm trung tâm. Trong lớp, các hoạt động cặp, nhóm được tổ chức khá thường xuyên. Việc số lượng học sinh đông đôi lúc có ảnh hưởng đến hiệu quả của các hoạt động này nhưng không ảnh hưởng đến tần suất sử dụng. Phản ứng của học sinh khá tốt và giáo viên khá hài lòng với hiệu quả của các hoạt động giao tiếp mà họ thực hiện trên lớp. Tuy nhiên cũng có giáo viên cho rằng đôi lúc họ cảm thấy lúng túng khi gặp các nội dung liên bài dạy liên quan đến các vấn đề khác biệt về văn hoá và các bài giảng yêu phương pháp dạy học tích hợp.

+ Nội dung chương trình sách giáo khoa thí điểm (lớp 6, 7, 10, 11): Giáo viên khá hài lòng về chương trình và sách giáo khoa mới trong đó chú trọng đến phát triển đều 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) cùng với việc trang bị kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chức năng ngôn ngữ). Tuy nhiên nhiều giáo viên gặp khó khăn khi triển khai bài dạy về Giao tiếp & Văn hoá (Communication and Culture) và Đề án (Project) nhất là đối với các lớp địa trả. Việc tổ chức các hoạt động làm Đề án (Project) cho các lớp học theo chương trình mới, thông thường giáo viên để cho học sinh tự làm ở nhà và trình bày trên lớp trong các giờ học thêm. Tuy nhiên, giáo viên nhấn mạnh hình thức này chỉ có thể phù hợp với học sinh giỏi và các lớp chuyên ngữ.

d. Dự giờ, thao giảng

+ Thông tin chung: Thông thường mỗi tổ có 18 tiết dự giờ trong một năm. Ở những trường có tổ tiếng Anh chung với các tổ khác như tổ Mỹ thuật và Thể dục, các buổi dự giờ thường có cả giáo viên dạy các môn này. Sau từng buổi thao giảng đều có họp đánh giá rút kinh nghiệm. Kết quả đánh giá ảnh hưởng đến kết quả thi đua cuối năm của giáo viên. Cách đánh giá giờ dạy theo thang điểm của Phòng hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo và lấy điểm trung bình chung của tất cả các thành viên tham gia dự giờ.

+ Đánh giá về việc dự giờ/ thao giảng: Hầu hết giáo viên đều cho rằng hoạt động này rất hữu ích vì thông qua dự giờ và thao giảng giáo viên có thể học được các phương pháp và kỹ thuật giảng dạy mới từ đồng nghiệp và chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy đặc biệt là các nội dung khó trong chương trình.

+ Thao giảng theo cụm: Mỗi năm giáo viên các trường trong một cụm có một buổi dự giờ thao giảng ở một trường nào đó trong cụm (do cụm trưởng tổ chức). Trong buổi thao giảng này, tất cả các giáo viên trong cụm sẽ đến dự giờ và sau đó sẽ họp đánh giá và rút kinh nghiệm. Hoạt động này dành cho tất cả các môn trong đó có tiếng Anh. Ngoài ra, các giáo viên vẫn thỉnh thoảng đến các trường khác để dự giờ các giáo viên ở trường đó nhằm học hỏi và rút kinh nghiệm trong giảng dạy, tuy nhiên hoạt động này là tự phát và do cá nhân giáo viên chứ không phải là hoạt động chính thống.

e. Tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nâng cao năng lực chuyên môn

+ Thông tin chung: Các khóa đào tạo mà giáo viên tham gia thường là các khóa học được tổ chức bởi Phòng, Sở, Bộ GD-ĐT, hoặc các tổ chức giáo dục Quốc tế. Phòng hoặc Sở GD-ĐT cử các giáo viên đi tham gia các khóa đào tạo về phương pháp GD hay các chương trình thí điểm SGK mới do Bộ GD-ĐT hay các đơn vị GD khác tổ chức. Trong một số trường hợp, hiệu trưởng hoặc tổ trưởng chuyên môn quyết định giáo viên tham gia. Thông thường một nhóm giáo viên (chuyên viên hoặc giáo viên giỏi) được cử tham gia sau đó sẽ về triển khai cho tất cả giáo viên trong trường.

+ Nhận xét về các khóa đào tạo/ hội thảo: Nhiều giáo viên cho rằng các khóa học do Sở hay Bộ GD-ĐT tổ chức thường rất chung chung, chưa đi vào chi tiết các vấn đề mà giáo viên quan tâm và muốn học hỏi. Cụ thể giáo viên cần hiểu chi tiết hơn về cấu trúc, nội dung sách giáo khoa mới, các phương pháp hay kỹ thuật giảng dạy đối với từng loại hình bài dạy, đặc biệt là các bài dạy mới về Giao tiếp & Văn hoá (Communication and Culture) và Đề án (Project), hoặc các nội dung liên quan đến dạy học tích hợp nhưng đôi khi tác giả hay giảng viên chỉ nói sơ qua các nội dung này mà không có các ví dụ cụ thể. Thực sự giáo viên mong muốn được dự giờ các bài dạy này do tác giả hay giảng viên phụ trách các hội thảo này giảng dạy.

Ngoài ra, việc tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến đổi mới chương trình, SGK và phương pháp giảng dạy tại các địa phương chưa được giáo viên đánh giá cao có thể do giáo viên được cử đi tham dự hội thảo chưa nắm được hết các nội dung cơ bản cần truyền đạt và đôi khi còn hiểu sai các vấn đề liên quan đến chuyên môn nên đôi khi dẫn đến “tam sao thất bản”. Vì thế, hiệu quả của các khóa học hay hội thảo như thế này chưa cao và nhiều giáo viên chưa áp dụng được những gì họ học hỏi vào thực tế giảng dạy trên lớp của họ.

Các khóa đào tạo được tổ chức chưa đồng đều và thường xuyên, dẫn tới tình trạng giáo viên không có nhiều cơ hội học hỏi tìm tòi và chia sẻ kinh nghiệm cũng như hiểu biết của mình.

f. Các hoạt động khác

+ Thông tin chung: Ngoài các hoạt động chuyên môn và phát triển nghiệp vụ như trên, giáo viên ở các trường nông cốt còn tham gia các hoạt động khác như sáng kiến kinh nghiệm, tham gia hội thảo chuyên đề, hội thi giáo viên dạy giỏi ...

+ Nhận xét về các hoạt động:

Hoạt động sáng kiến kinh nghiệm bằng tiếng Anh được tổ chức hàng năm và bắt buộc đối với giáo viên. Việc tổ chức hoạt động này thường xuyên thì có lợi cho giáo viên trong việc liên tục rèn luyện và không ngừng phát triển chuyên môn. Tuy nhiên, nhiều giáo viên cho rằng vì năm nào cũng phải viết sáng kiến kinh nghiệm nên đến một thời điểm nào đó, họ hết ý tưởng mới và đành phải lấy ý tưởng từ những sáng kiến kinh nghiệm các năm trước của người khác. Ngoài ra, vì sáng kiến kinh nghiệm được viết bằng Tiếng Anh nên nhiều giáo viên gặp khó khăn trong việc diễn đạt ý tưởng do trình độ Anh ngữ hạn chế. Điều này tạo áp lực lớn cho họ và khiến cho cuộc thi trở thành một gánh nặng đối với họ hơn là một cơ hội để họ thể hiện tài năng. Bên cạnh đó việc sao chép sáng kiến kinh nghiệm của người khác từ trên mạng Internet hay các nguồn khác là vấn đề nan giải mà bản thân người chấm hay nghiệm thu vẫn không nhận ra. Hơn nữa, những sáng kiến kinh nghiệm đã được nghiệm thu và đánh giá cao rất hiếm khi được giới thiệu rộng rãi để giáo viên học hỏi và áp dụng vào thực tế giảng dạy của mình.

Các Hội thảo Chuyên đề thường được tổ chức bởi Phòng và Sở GD-ĐT. Tuy nhiên, những người trình bày của Phòng và Sở cử đôi khi chưa thực sự là những chuyên gia về lĩnh vực về PPGD hay các chuyên môn sâu nên chất lượng của các buổi hội thảo này chưa thực sự cao. Ngoài ra cách thức tổ chức hội thảo truyền thống, một người phát biểu, mọi người lắng nghe, nên chưa có sự tương tác giữa người trình bày với người nghe nên các hội thảo này trở nên khô khan, nhàm chán và kém hiệu quả.

3. Đề xuất mô hình điển hình về hoạt động chuyên môn và phát triển nghiệp vụ cho giáo viên tiếng Anh ở trường THCS và THPT

Dựa trên những kết quả phỏng vấn, điều tra và ý kiến đề xuất của giáo viên trường điển hình, dựa trên các công văn chỉ đạo của Ban quản lý đề án Ngoại Ngữ Quốc Gia 2020 (ví dụ, thông tư 30/2011/TT-BGDĐT, thông báo số 179/BT-BGDĐT, quyết định số 5209/QĐ-BGDĐT, thông báo số 2205/BGDĐT-GDtrH...) và các nhận định của chuyên gia trong ngành, chúng tôi đề xuất mô hình hoạt động chuyên môn và phát triển nghiệp vụ cho giáo viên tiếng Anh ở THPT và THCS như sau:

a. Giáo án

+ Tổ (nhóm) bộ môn tiếng Anh trực tiếp xây dựng kế hoạch dạy học, chọn lọc các nội dung chương trình phù hợp, tự sắp xếp chỉnh sửa bài học phù hợp mục tiêu, yêu cầu đào tạo và phù hợp với năng lực và tâm sinh lý của học sinh.

+ Giáo án có mẫu riêng dành cho bộ môn ngoại ngữ (tiếng Anh), mẫu này được thống nhất từ Sở hoặc Phòng giáo dục.

+ Giáo án được soạn trước khi dạy và được chỉnh sửa, nếu cần thiết, cho các tiết dạy cùng bài học ở các lớp khác.

+ Tổ trưởng chuyên môn hỗ trợ và giúp đỡ giáo viên và phân công giáo viên hỗ trợ lẫn nhau trong việc soạn giáo án.

+ Hàng năm tổ chức cuộc thi thiết kế hoạt động giảng dạy hay soạn giáo án để tạo động lực cho giáo viên và nâng cao nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng của giáo án.

+ Tổ chuyên môn tổ chức các buổi seminar, Phòng hoặc Sở GD-ĐT tổ chức các buổi hội thảo về soạn giáo án và tìm hiểu cách khai thác các nội dung trong sách giáo khoa. Đặc biệt, giáo viên nên chủ động đánh giá và khai thác các nội dung văn hóa trong sách giáo khoa để khơi dậy mối quan tâm hoặc nâng cao hiểu biết của học sinh về văn hóa của các nước nói tiếng Anh (ví dụ: sự kiện, dữ liệu, thái độ, bản sắc...); đánh giá và khai thác các nội dung văn hóa trong sách giáo khoa giúp học sinh ý thức được sự giống nhau và khác biệt giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa các nước nói tiếng Anh trong khu vực và các nước bản xứ.

+ Việc kiểm tra giáo án được thực hiện trên góc độ chuyên môn và mang tính chất góp ý xây dựng hơn là một hoạt động mang tính chất hành chính.

b. Họp chuyên môn

+ Giờ họp chuyên môn của tổ tiếng Anh cần tách biệt với giờ họp tổ hành chính đối với các trường có nhóm giáo viên tiếng Anh chung tổ với nhóm giáo viên dạy các môn khác. Họp chuyên môn nên được tổ chức thường xuyên và không nhất thiết phải là những cuộc họp chính thống kéo dài. Đôi khi chỉ cần là những cuộc trao đổi ngắn gọn để giáo viên có thể thường xuyên chia sẻ kinh nghiệm và quan điểm dạy học, hoặc góp ý, hỗ trợ lẫn nhau trong công tác giảng dạy.

+ Hình thức tổ chức họp có thể là trực tiếp tại văn phòng, hoặc qua các phương tiện truyền thông như Skype để thuận tiện cho các giáo viên ở xa trường, hoặc tiết kiệm thời gian đi lại cho các thành viên trong tổ.

+ Nội dung họp chuyên môn có thể là bất kỳ một vấn đề gì liên quan đến công tác giảng dạy như thảo luận các vấn đề văn hoá, cách dạy các bài học được cho là khó trong sách giáo khoa, thảo luận và chia sẻ về cách ra đề kiểm tra, lập ma trận, nội dung kiểm tra đánh giá, bàn kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa liên quan đến tiếng Anh, rút kinh nghiệm sau dự giờ...

+ Để tránh việc sau nhiều buổi họp chuyên môn giáo viên vẫn còn phân vân hoặc chưa có câu trả lời xác đáng cho vấn đề mình thắc mắc, cứ hai tuần hoặc một tháng một lần nên mời một chuyên gia uy tín về chuyên môn tham gia họp để có thể tư vấn hoặc

giải thích các vấn đề mà giáo viên tranh cãi hoặc thắc mắc, đồng thời gợi ý cho giáo viên cách tự tìm hiểu, tự phân tích vấn đề.

+ Các buổi họp chuyên môn đều nên có sổ biên bản ghi, hoặc là trên giấy hoặc trên file word rồi email đến cho tất cả mọi người sau buổi họp.

c. Giảng dạy trên lớp

+ Việc ứng dụng các công nghệ thông tin trong giảng dạy nên được khuyến khích bằng cách tăng cường hệ thống cơ sở vật chất và mua sắm các trang thiết bị cần thiết cho việc dạy ngoại ngữ. Tuy nhiên, về phía giáo viên, cần có kết hợp hài hòa giữa công nghệ thông tin và các công cụ truyền thống để giữ được bản chất giao tiếp và tương tác của việc học ngoại ngữ, tránh lạm dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Giáo viên nên sử dụng các phương tiện kỹ thuật kết nối học sinh như wikis, blogs để hình thành khả năng hợp tác, chia sẻ trong học sinh, tạo cơ hội cho học sinh kết nối với cộng đồng ngôn ngữ đích (targetlanguage communities) thông qua các phương tiện kỹ thuật để trau dồi năng lực ngôn ngữ và giao tiếp.

+ Trong quá trình dạy học, giáo viên cần biết lựa chọn và sử dụng các chiến lược và kỹ thuật giảng dạy tích hợp 4 kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) phù hợp với mục tiêu giảng dạy và phù hợp cho việc dạy giao tiếp đích thực; lựa chọn và sử dụng các chiến lược và kỹ thuật giảng dạy phù hợp với các đối tượng khác nhau.

+ Giáo viên cũng cần phải hiểu đặc điểm phát triển ngôn ngữ của học sinh, nhận biết và phân tích lỗi và nguyên nhân gây ra lỗi; xử lý lỗi một cách tích cực (constructive feedback) bằng cách sử dụng các hình thức sửa lỗi khác nhau (echo, self, peer correction); xây dựng môi trường học tập trong đó học sinh xem lỗi là một phần tự nhiên trong quá trình học và lỗi như một cách trau dồi việc học; vận dụng các hiểu biết về lỗi của học sinh trong việc soạn giáo án và thiết kế hoạt động dạy-học.

+ Giáo viên nên thường xuyên tổ chức các hoạt động làm project cho các lớp học và thực hiện hoạt động này đối với các lớp không chuyên chứ không chỉ đối với học sinh chuyên Anh và học sinh giỏi.

+ Hàng kỳ, tổ chuyên môn hoặc nhà trường mời chuyên gia, giáo viên nước ngoài về dạy để chia sẻ kinh nghiệm. Đặc biệt, với các lớp chọn hoặc lớp chuyên Anh, có thể thuê chuyên gia nước ngoài về giảng dạy song hành cùng với giáo viên Việt Nam để từ đó giáo viên và học sinh có cơ hội giao tiếp tự nhiên với chuyên gia hoặc giáo viên nước ngoài để nâng cao kỹ năng ngôn ngữ và giáo viên từng bước tự tin để thực hiện bài giảng sau này.

+ Giáo viên phải có nhật ký dạy học ghi lại những kinh nghiệm thực tế về nội dung và phương pháp dạy học. Cuối mỗi học kỳ và năm học phải báo cáo (có xác nhận của nhà trường) gửi về Sở hoặc Phòng giáo dục.

d. Dự giờ thao giảng

+ Mỗi tháng tổ chức một giờ thao giảng cho các giáo viên trong tổ, sau mỗi giờ thao giảng có buổi họp rút kinh nghiệm và đánh giá. Việc đánh giá giờ dạy có ảnh hưởng đến kết quả thi đua chung cho nên các giảng viên không nằm trong tổ tiếng Anh thì chỉ họp góp ý nhận xét chứ không đánh giá.

+ Mỗi học kỳ tổ chức một giờ thao giảng có mời chuyên viên của Phòng hoặc Sở, hoặc giáo viên có uy tín trong ngành về dự để nâng cao chất lượng của buổi dự giờ và buổi đánh giá góp ý.

+ Phiếu đánh giá giờ dạy được thống nhất từ Phòng hoặc Sở và là phiếu đánh giá riêng của ngành giảng dạy tiếng Anh, không theo phiếu đánh giá chung cho tất cả các môn học khác.

+ Các buổi dự giờ quan trọng được quay video để làm tư liệu tham khảo cho các buổi sinh hoạt chuyên môn, các khóa đào tạo, hoặc các hoạt động phát triển chuyên môn nghiệp vụ khác.

+ Cuối mỗi buổi dự giờ có phát phiếu điều tra dành cho học sinh để giáo viên có thể nắm bắt được thái độ và sự tiếp nhận của học sinh đồng thời so sánh sự khác nhau nếu có giữa đánh giá của học sinh và đánh giá của giáo viên dành cho tiết dạy đó.

+ Mỗi học kỳ giáo viên các trường trong một cụm có một các buổi dự giờ ở lần lượt các trường trong cụm để khuyến khích giáo viên không ngừng học hỏi và chia sẻ

kinh nghiệm. Các buổi dự giờ này có sự tham gia của chuyên viên Phòng hoặc Sở GD-ĐT và chuyên gia hàng đầu trong ngành.

e. Tham gia các khóa đào tạo/ hội thảo

+ Phòng hoặc Sở nên tổ chức thường xuyên các khóa đào tạo (ngắn hạn hoặc dài hạn) cho giáo viên. Danh sách giáo viên tham gia các khóa đào tạo này thường là do Phòng hoặc Sở chỉ định. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, nên để giáo viên tự đăng ký hoặc tổ tiếng Anh tự phân công vì chỉ có tổ hoặc bản thân giáo viên mới thực sự nắm được giáo viên nào đang cần đào tạo và tập huấn ở lĩnh vực nào.

+ Các khóa đào tạo nên tập trung đi vào chi tiết cụ thể hơn là chỉ đề cập chung chung các chủ đề lớn. Giáo viên cần hiểu được cách phân tích từng phần trong các bài học trong sách giáo khoa, xác định mục đích của từng bài học, thay đổi và áp dụng các tư liệu giảng dạy một cách hiệu quả, thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp với mục đích dạy, sử dụng các thủ thuật và chiến lược khác nhau đối với từng tình huống khác nhau...

+ Các khóa đào tạo nên có các phần thực hành để giáo viên có thể vận dụng ngay kiến thức vừa được học trong thực tế, từ đó họ dễ dàng nhận ra bản chất của từng vấn đề và nắm rõ hơn các lý thuyết giảng dạy ngoại ngữ.

+ Có thể liên kết với các cơ sở giáo dục đại học có đào tạo giáo viên tiếng Anh để tiến hành tổ chức các hoá tập huấn về phương pháp giảng dạy và triển khai chương trình và SGK tiếng Anh mới.

+ Hiện nay khóa đào tạo giáo viên do trường đại học Ngoại Ngữ - Đại học Huế thiết kế đã được Bộ duyệt và có thể đưa vào áp dụng ở các vùng trong nước. Khóa học này hướng tới phát triển năng lực cho giáo viên ở các lĩnh vực như khung năng lực ngoại ngữ, năng lực chiêm nghiệm, nội dung văn hóa, đường hướng giảng dạy tích hợp, năng lực ngôn ngữ của học sinh và chiến lược sửa lỗi và sử dụng công nghệ để kết nối học sinh.

f. Các hoạt động khác

+ Các cuộc thi sáng kiến kinh nghiệm hàng năm có thể nên chuyển sang hai năm một lần, xen giữa là các cuộc thi khác cũng mang tính chất rèn luyện nghiệp vụ như thi thiết kế hoạt động giáo dục, thi thiết kế đồ dùng dạy học, thi thiết kế hoạt động giảng dạy

hay soạn giáo án. Việc tổ chức nhiều loại hình như vậy xen kẽ giữa các năm nhằm giúp cho giáo viên có được nguồn cảm hứng sáng tạo và khơi dậy đam mê tìm tòi, phát triển.

+ Trong cuộc thi sáng kiến kinh nghiệm, có thể cử các chuyên gia Anh ngữ trợ giúp các giáo viên còn hạn chế về năng lực tiếng Anh để họ có thể diễn đạt được hết ý tưởng và tự tin với sáng kiến của mình.

+ Nhà trường và Phòng, Sở nên kiểm tra, hướng dẫn, động viên và có hình thức khen thưởng giáo viên có sáng kiến kinh nghiệm hay và nên tổ chức các cuộc thi áp dụng sáng kiến kinh nghiệm trong thực tế để biến cuộc thi sáng kiến kinh nghiệm thành một cuộc thi gắn với thực tế của giáo viên.

+ Ngoài ra, Phòng, Sở và nhà trường nên có các đơn đặt hàng nghiên cứu hiệu quả của những sáng kiến kinh nghiệm đã đoạt giải để có thể đánh giá chính xác hơn các sáng kiến này đồng thời giúp giáo viên hiểu thêm về nghiên cứu khoa học.

+ Hiện nay, việc phát triển chuyên môn nghiệp vụ thông qua hình thức tự đọc sách, tự nghiên cứu chưa thực sự được coi trọng, một phần cũng vì giáo viên phải dạy nhiều giờ và vì các lý do khách quan như nền kinh tế khủng hoảng, mức lương thấp khiến cho giáo viên phải lo lắng nhiều về cơm áo gạo tiền nên chưa đầu tư đủ thời gian vào việc tự đọc và tự nghiên cứu. Ngoài ra, nguồn tư liệu thiếu thốn do đặc trưng môn học cũng làm giảm động lực đọc sách và tự nghiên cứu của giáo viên. Vì vậy, Phòng, Sở, nhà trường nên phối hợp để cung cấp cho giáo viên nguồn tư liệu dồi dào và cập nhật với sự phát triển của thế giới. Ngoài ra, nên có các hoạt động khuyến khích việc tự học như viết báo cáo, viết nhật ký đọc, viết journals...

4. Kết luận

Đổi mới quá trình dạy học ngoại ngữ, nhằm nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ theo mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của Đề án Đổi mới dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020 là công việc hết sức cấp thiết đòi hỏi mỗi cá nhân giáo viên, tổ chuyên môn, ban giám hiệu, đơn vị quản lý và các đơn vị khác liên quan tích cực tham gia và triển khai. Một trong những biện pháp nhằm sớm đạt được mục tiêu đề ra là hình thành những đơn vị nòng cốt, những đơn vị điển hình trong việc đổi mới

dạy học ngoại ngữ ở các cấp học và trình độ đào tạo. Nội dung báo cáo trên chỉ đề cập đến những gợi ý cho mô hình điển hình về hoạt động chuyên môn và phát triển nghiệp vụ cho giáo viên tiếng Anh bậc THCS và THPT. Sau khi tiến hành hội thảo để trao đổi và thảo luận với các giáo viên tiếng Anh, các chuyên gia về PPGD tiếng Anh, các nhà quản lý và các đơn vị chủ quản nhóm tác giả sẽ tiến hành xây dựng mô hình cụ thể hơn nữa để từ đó giới thiệu và nhân rộng mô hình điển hình về nâng cao năng lực chuyên môn cho giáo viên tiếng Anh ở các trường THCS và THPT./.

HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA- ĐÁNH GIÁ MÔN NGOẠI NGỮ TRONG CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG

I. KIỂM TRA- ĐÁNH GIÁ TRONG GIÁO DỤC

1.1. Khái niệm kiểm tra, đánh giá

1.1.1. Các định nghĩa về kiểm tra đánh giá

Thuật ngữ đánh giá (Evaluation) là việc đưa ra nhận định tổng hợp về các dữ kiện đo lường được qua các kỳ kiểm tra (assessment) trong quá trình và kết thúc bằng cách đối chiếu, so sánh với những tiêu chuẩn đã được xác định rõ ràng trước đó trong các mục tiêu.

1.1.2. Cơ sở khoa học của đánh giá

1.1.2.1. Cơ sở lý luận của đánh giá

Đánh giá xuất phát từ luận điểm “sự liên hệ ngược”, là tạo lập mối liên hệ thông tin ngược (kênh thông tin phản hồi), cung cấp những thông tin đã được xử lý chính xác để điều chỉnh hoạt động có hiệu quả hơn.

1.1.2.2. Cơ sở pháp lý của đánh giá trong giáo dục

Đánh giá trong giáo dục là một hoạt động mang tính chất pháp chế được quy định trong văn bản pháp quy của Nhà nước và Bộ giáo dục và đào tạo như:

- Các điều lệ nhà trường
- Quy chế về tổ chức và hoạt động của hệ thống thanh tra Giáo dục và đào tạo
- Các quy định của Bộ giáo dục và đào tạo về đánh giá xếp loại học sinh các cấp
- Các thông tư hướng dẫn đánh giá xếp loại học sinh

1.1.2.3. Cơ sở thực tiễn của đánh giá

Mọi hoạt động đều bắt nguồn từ việc xác định mục tiêu và kết thúc bằng đánh giá. Đánh giá có liên quan chặt chẽ với kiểm tra, dựa vào kiểm tra và là kết quả của kiểm tra. Do đó, kiểm tra- đánh giá thường đi liền với nhau theo nghĩa đó.

Kiểm tra đánh giá là một phạm trù của lý luận dạy học, được các nhà nghiên cứu và hoạt động thực tiễn về giáo dục rất quan tâm, vì nó có chức năng rất quan trọng trong hoạt động giáo dục và đào tạo.

1.2. Đánh giá trong giáo dục và đào tạo

1.2.1. Khái niệm đánh giá trong giáo dục và đào tạo

Đánh giá trong giáo dục là một quá trình hoạt động được tiến hành có hệ thống nhằm xác định mức độ đạt được của đối tượng về mục tiêu đã định, nó bao gồm sự mô tả định tính và định lượng kết quả đạt được thông qua những nhận xét, so sánh với những mục tiêu.

Trong giáo dục và đào tạo thường áp dụng các loại hình đánh giá cơ bản, tương ứng với chúng có các phương pháp và chuẩn đánh giá (chỉ số đo) nhất định.

1.2.2. Vị trí, vai trò của đánh giá trong giáo dục và đào tạo

1.2.2.1. Vị trí của đánh giá

Đánh giá là khâu cuối cùng của chức năng kiểm tra, là chức năng cơ bản của kiểm tra, quan hệ mật thiết với kiểm tra, dựa vào kiểm tra và là kết quả của kiểm tra. Do đó, kiểm tra-đánh giá là khâu đặc biệt quan trọng trong quá trình giáo dục và đào tạo, đảm bảo tạo lập mối liên hệ nghịch thường xuyên, kịp thời, làm khép kín chu trình cung cấp thông tin, thông báo xuôi và phản hồi.

1.2.2.2. Vai trò của đánh giá

Về vai trò của đánh giá trong giáo dục, G.K. Killer (1977) đã khẳng định: *“Thay đổi một chương trình hoặc những kỹ thuật giảng dạy mà không thay đổi hệ thống đánh giá, chắc chắn là chẳng đi đến đâu.”*. *“Thay đổi hệ thống đánh giá mà không thay đổi chương trình giảng dạy, có thể có một tác động đến bản chất việc học tập và chất lượng học tập lớn hơn là làm một sửa đổi chương trình mà không làm thay đổi gì cách đánh giá.”*.

Nếu việc đánh giá chính xác, chân thực, thì sẽ có tác dụng trực tiếp đến việc tìm nguyên nhân, đề ra những giải pháp có hiệu quả. Đánh giá tốt sẽ dẫn đến sự tự đánh giá tốt của đối tượng.

1.2.2.3. Chức năng của đánh giá trong giáo dục

Đánh giá trong giáo dục có nhiều chức năng khác nhau như: thông tin phản hồi; lượng định giá trị, hướng dẫn, điều chỉnh, kích thích, giáo dục, xã hội, dự báo, củng cố và phát triển.

1.2.2.4. Mục đích đánh giá

Đánh giá không có mục đích tự thân mà phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau như để chứng nhận năng lực, để hướng dẫn, điều chỉnh, để thúc đẩy, kích thích. Kết quả của đánh giá cho phép đi đến những quyết định để cải tiến mục tiêu, nội dung, phương pháp, tổ chức giáo dục, vv. Đánh giá không phải là mục đích mà chỉ là phương tiện để đi đến mục đích. Mục đích của đánh giá là để có những quyết định mới đúng đắn và hiệu quả hơn.

1.2.3. Yêu cầu của đánh giá

Đánh giá cần đảm bảo ba yêu cầu cơ bản sau:

1.2.3.1. Tính giá trị (validity): Đánh giá phải đúng mục tiêu và nội dung, tính giá trị về nội dung là ưu tiên hàng đầu của mọi cách đánh giá, tức là sự đo lường một mẫu chọn đại diện bao quát được trong phạm vi rộng các kiến thức cần đo theo mục tiêu học tập (về kiến thức, kỹ năng, thái độ).

1.2.3.2. Tính tin cậy (reliability): Tính tin cậy của mọi cách đánh giá học tập là sự đo lường tính hằng định và chính xác của kết quả kiểm tra-đánh giá, kỹ thuật soạn thảo và chất lượng sử dụng các cách kiểm tra- đánh giá ảnh hưởng tới độ tin cậy.

1.2.3.3. Tính khả thi (practicability): Tính khả thi của kiểm tra- đánh giá là yếu tố quan trọng không thể thiếu trong khâu thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá tốt. Chọn được cách kiểm tra đánh giá không làm hao phí thời gian, sức lực và tiền của trong quá trình tiến hành mà vẫn đảm bảo các yêu cầu của mục đích đánh giá là đạt được tính khả thi, cũng chính là đạt được tính hiệu quả trong giáo dục.

1.3. Các loại đánh giá trong giáo dục và đào tạo

1.3.1. Các kiểu loại đánh giá

1.3.1.1. Đánh giá mang tính chất đào tạo (gọi là đánh giá đào tạo- formative evaluation)

Đây là đánh giá hướng tới tương lai, chuẩn bị và giúp đỡ người học tiến bộ mới tiếp theo, nó không những liên quan đến kết quả đạt được của người học mà còn liên quan đến các bước đi để đạt kết quả đó.

Đánh giá đào tạo có thể tiến hành trong từng giai đoạn học tập của quá trình đào tạo nhằm định hướng cho việc học tập tiếp tục như: xác định khả năng học tập của người học, xác định hoạt động lĩnh hội tri thức của người học, thúc đẩy người học học tập thường xuyên và chăm chỉ; giúp người học tự đánh giá trình độ, bổ sung, hoàn thiện việc học tập của mình; giúp giáo viên điều chỉnh, hoàn thiện việc dạy.

1.3.1.2. Đánh giá mang tính chất tổng thể (gọi là đánh giá tổng thể- summative evaluation)

Đây là đánh giá được tiến hành sau từng giai đoạn học tập để xác định thành tích của từng cá nhân, có liên quan đến quá khứ học tập, đến kết quả, đến khoảng cách điểm số giữa các học sinh, nó thường tiến hành sau khi hoàn tất một giai đoạn học tập như kiểm tra, thi học kỳ, năm học, khóa học nhưng cũng có thể kiểm tra 15 phút trước hoặc sau một tiết học, kiểm tra một hoặc hai tiết sau khi học xong một chương, một phần nào đó của chương trình...nhằm đánh giá toàn diện kết quả học tập so với mục tiêu đào tạo, xếp hạng, chọn lọc người học, quyết định trình độ, năng lực đạt hay không đạt (dùng để xét lên lớp, tốt nghiệp, tuyển chọn tiếp tục hay làm việc...)

1.3.1.3. Đánh giá mang tính chất chuẩn mực (gọi là đánh giá theo chuẩn- normative evaluation)

Đánh giá theo chuẩn là đánh giá bằng cách so sánh những kết quả đạt được của đối tượng với thành tích mong muốn đạt được của một nhóm người/ mẫu (nhóm tham chiếu).

Ví dụ: nếu bảng chuẩn cho thấy điểm số của một học sinh là ở điểm bách phân thứ 40, điều đó có nghĩa là học viên đó đạt điểm bằng hay cao hơn 40% số người trong nhóm chuẩn (nhóm mẫu) đã được chỉ định.

Cần sử dụng các loại chuẩn như chuẩn quốc gia, chuẩn khu, chuẩn địa phương. Khi đánh giá theo chuẩn cũng cần chú ý tới độ tuổi của chuẩn, vì do thay đổi về mặt kiến

thức học sinh, nội dung của giáo trình và quá trình dạy học trong một thời kỳ nào đó, các chuẩn được xây dựng từ nhiều năm có khi không còn ý nghĩa nữa.

Trong báo cáo này chúng tôi tập trung vào việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập, cụ thể là môn Ngoại ngữ, của học sinh ở nhà trường Phổ thông. Đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập thông tin, xử lý thông tin và diễn giải hiện trạng, nguyên nhân, hiệu quả, chất lượng giáo dục để có những điều chỉnh phù hợp.

II. THỰC TRẠNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN NGOẠI NGỮ CỦA HỌC SINH TẠI CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG

2.1. Cơ sở thực tiễn và pháp lý của hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh ở các nhà trường phổ thông

2.1.1. Cơ sở thực tiễn

Đánh giá kết quả học tập của học sinh là một hoạt động rất quan trọng trong quá trình giáo dục. Đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập và xử lý thông tin về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu học tập của học sinh nhằm tạo cơ sở cho những điều chỉnh sự phạm của giáo viên, các giải pháp của các cấp quản lý giáo dục và cho bản thân học sinh, để học sinh học tập đạt kết quả tốt hơn.

Đánh giá kết quả học tập của học sinh cần sử dụng phối hợp nhiều công cụ, phương pháp và hình thức khác nhau.

2.2.2. Cơ sở pháp lý

- Luật Giáo dục
- Thông tư số **58/2011/TT-BGDĐT** ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông
- Thông tư số **01/2014/TT-BGDĐT** ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam
- Thông tư số **4099/BGDĐT-GDTrH** của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày **05/08/2014** hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2014-2015 đối với giáo dục trung học

- Công văn số **5333/BGDĐT-GDTrH** ngày **29/9/2014** của **Bộ Giáo dục và Đào tạo** về việc Hướng dẫn triển khai kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực môn tiếng Anh cấp trung học từ năm học 2014-2015

2. 2. Thực trạng đánh giá kết quả học tập của học sinh ở nhà trường phổ thông

Theo kết quả của nghiên cứu “*Thực trạng đánh giá kết quả học tập của học sinh ở nhà trường phổ thông hiện nay*” (2010) của TS. Vũ Thị Ngọc Anh, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam cho thấy những kết quả tích cực

Về phía Bộ Giáo dục và đào tạo: Bộ đã thông qua hệ thống văn bản pháp quy, theo đó, đã quy định một số vấn đề cụ thể triển khai đánh giá về mục đích đánh giá, các phương pháp đánh giá, các hình thức đánh giá, thang đánh giá, và chuẩn đánh giá.

Định hướng trên của Bộ đã dần đưa nước ta tiếp cận với những thành tựu hiện đại về khoa học đánh giá thế giới. Điều đó được thể hiện như sau:

- Kết quả học tập của học sinh được so sánh với yêu cầu cần đạt được về kiến thức, kỹ năng của từng môn học
- Đa dạng hóa hình thức đánh giá
- Đa dạng hóa các loại thông tin về chứng cứ thành công của học sinh
- Kết hợp kết quả học tập định tính và kết quả học tập định lượng
- Năng lực quản lý, chỉ đạo của cán bộ quản lý, năng lực triển khai của giáo viên đối với việc đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh phổ thông.

Bên cạnh những ưu điểm cơ bản trên, nghiên cứu còn chỉ ra một số hạn chế chủ yếu sau:

- Chưa có hướng dẫn cụ thể về việc triển khai cụ thể vấn đề đánh giá kết quả học tập phải căn cứ vào chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu thái độ của chương trình giáo dục phổ thông
- Quy chế chỉ sử dụng kết quả nhận xét và điểm số của cuối chương, giữa học kỳ, đầu học kỳ và cuối năm học nên khó thuyết phục cán bộ quản lý và giáo viên trường phổ thông sử dụng phương pháp đánh giá như chuyên gia, nghiên cứu sản phẩm, trình diễn, tự đánh giá,...

- Quy định về thang đánh giá kết quả học tập nhưng không quy định tiêu chí cho từng mức điểm của thang định khoảng, nên giáo viên thường xây dựng thang chấm điểm căn cứ vào trình độ nhận thức của học sinh là chủ yếu.
- Quy chế cho phép điểm thô làm căn cứ để xếp loại học lực trung bình môn học, nhưng điểm thô không thể so sánh và phân tích được sự tiến bộ của học sinh, cần phải chuyển điểm thô về cùng một thang quy chuẩn.

Để phục vụ cho công tác đánh giá thực trạng kiểm tra đánh giá ở trường phổ thông, từ đó đưa ra đề xuất, kiến nghị về mô hình điển hình trong công tác kiểm tra đánh giá, nhóm nghiên cứu của chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn giáo viên và điều tra khảo sát 921 học sinh ở một số trường phổ thông trên toàn quốc. Kết quả điều tra đã phản ánh một phần thực trạng kiểm tra đánh giá hiện nay ở phổ thông:

Ưu điểm:

- Bên cạnh các hình thức kiểm tra truyền thống như kiểm tra bài cũ, kiểm tra 15 phút, kiểm tra 45 phút, kiểm tra học kỳ, các giáo viên đã áp dụng các hình thức kiểm tra đánh giá khác như thuyết trình trên lớp (presentation), tập bài viết (portfolio/ journal) và bài tập dự án (project). Điều này đã phản ánh được sự thay đổi trong nhận thức của giáo viên về kiểm tra, đánh giá. Bên cạnh những băn khoăn, lo lắng, đa số các giáo viên được hỏi đều tỏ ra hào hứng khi áp dụng các hình thức kiểm tra đánh giá này.
- Theo đánh giá của các học sinh trong điều tra của chúng tôi, đa phần các bài kiểm tra phù hợp với mục tiêu đào tạo chung của chương trình tiếng Anh THPT. Bài kiểm tra học kỳ phản ánh mức độ phù hợp nhất (chiếm tỷ lệ 83.2% người được hỏi), tiếp đến là các bài kiểm tra 45 phút (chiếm tỷ lệ 81%). Chính điều này cũng tác động rất lớn đến chiến lược và ý thức học Tiếng Anh của học sinh. Một tỷ lệ lớn học sinh (78.3 %) cho rằng các bài kiểm tra 45 phút và kiểm tra học kỳ có tác động tới các em. Một số em (17.5%) còn cho rằng bài kiểm tra học kỳ có tác động rất nhiều tới ý thức học của các em.

- Theo khảo sát, đa phần các bài kiểm tra phản ánh đúng năng lực tiếng Anh của học sinh tại thời điểm hiện tại; trong đó chiếm tỷ lệ cao nhất vẫn là các bài kiểm tra 45 phút và kiểm tra học kỳ. Có 102 em trong tổng số 921 được hỏi thậm chí còn cho rằng bài kiểm tra học kỳ phản ánh rất đúng năng lực của các em. Tỷ lệ này ở bài kiểm tra 45 phút là 98/921.

Tồn tại:

- Mặc dù giáo viên đã thay đổi phương thức đánh giá, đa dạng cách thức kiểm tra đánh giá nhưng các bài thuyết trình, tập bài viết hay bài tập dự án vẫn chiếm một tỷ lệ rất thấp. Theo điều tra có 201/921 em (chiếm 21.8%) chia sẻ đã từng được đánh giá bằng hình thức sử dụng portfolio. Tỷ lệ được đánh giá bằng thuyết trình có cao hơn, 26%, nhưng vẫn chưa phải là hình thức được sử dụng rộng rãi. Điều đáng chú ý là phần bài tập dự án chỉ chiếm 15 %, một tỷ lệ thấp hơn mong đợi. Các giáo viên cũng chia sẻ, họ rất quan tâm đến các hình thức đánh giá này đối với học sinh nhưng cảm thấy lúng túng vì không biết triển khai cụ thể như thế nào, cách thức đánh giá ra sao, tỷ trọng điểm trong tổng số điểm cuối cùng như thế nào. Đây là vấn đề mà nhiều giáo viên, mặc dù đã có ý thức về việc cần đổi mới kiểm tra đánh giá, cảm thấy e ngại khi bắt tay vào thực hiện.
- Trong các dạng thức kiểm tra được tiến hành hiện nay trên lớp, theo một số em kiểm tra bài cũ ít phù hợp (14.4%) hoặc không phù hợp (15.9%). Hình thức bài tập về nhà, theo các em , cũng không hoàn toàn phù hợp. Theo kết quả điều tra cho thấy, có 123/921 em (chiếm tỷ lệ 13.4%) cho rằng hình thức kiểm tra bài tập về nhà không phù hợp và cho rằng dạng thức này ít phù hợp (13.2%). Đa số những em từng trải nghiệm các hình thức đánh giá khác như thuyết trình trên lớp, tập bài viết, bài tập dự án đều cho rằng các hình thức này phù hợp. Tuy nhiên có một số em vẫn nghi ngại về sự phù hợp của các hình thức này, 38/201 (chiếm tỷ lệ 18.9%) đối với tập bài viết portfolio, 57/240 (chiếm tỷ lệ 23.6%) đối với bài thuyết trình, 42/138

(chiếm tỷ lệ 30.4%) đối với các bài tập dự án. Do vậy, tác động của các dạng bài tập này đối với học sinh là rất ít, không ảnh hưởng nhiều đến chiến lược và ý thức học tập của các em.

- Phỏng vấn đối với các giáo viên còn cho thấy những hạn chế cơ bản về nhận thức và về phương thức đánh giá. Các giáo viên chưa được nghiên cứu và vận dụng phương thức kiểm tra đánh giá một cách có hệ thống, còn tình trạng vận dụng một cách chấp vá nên chưa tạo ra được sự đồng bộ, hiệu quả, nghèo nàn các hình thức tổ chức kiểm tra và đánh giá. Công tác kiểm tra chưa đảm bảo yêu cầu khách quan, chính xác, công bằng; kiểm tra chủ yếu chú ý đến yêu cầu tái hiện kiến thức và đánh giá qua điểm số. Giáo viên chưa quan tâm đúng mức đến việc hình thành các mục tiêu học tập ở mỗi bài, mỗi chương cho học sinh, chưa khắc phục hoàn toàn áp lực về điểm số.
- Các giáo viên chia sẻ đã tăng cường đánh giá bằng nhận xét. Tuy nhiên các nhận xét mang tính chủ quan vì không dựa hệ thống tiêu chí rõ ràng và thống nhất. Nhiều giáo viên còn cho biết các bài kiểm tra còn mang nặng tính chủ quan của người dạy.
- Ở cấp quản lý, việc tổ chức kiểm tra đánh giá ở các nhà trường chưa thực sự đồng bộ và chưa phát huy được vai trò thúc đẩy đổi mới kiểm tra đánh giá; cơ chế chính sách chưa khuyến khích được sự tích cực đổi mới kiểm tra đánh giá của giáo viên ví dụ như kinh phí làm bộ câu hỏi thi, chấm thi nói, vv.
- Nguồn lực phục vụ cho quy trình đổi mới kiểm tra đánh giá trong nhà trường như cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin-truyền thông vừa thiếu, vừa chưa đồng bộ, hạn chế việc áp dụng các hình thức kiểm tra đánh giá hiện đại. Một số trường thậm chí chưa đủ các thiết bị nghe nhìn như đài cassette, đĩa CD phục vụ cho công tác kiểm tra đánh giá

III. GỢI Ý MÔ HÌNH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN NGOẠI NGỮ Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

1. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng kiểm tra đánh giá cho CBQL và giáo viên

Trong thông tư hướng dẫn thực hiện việc kiểm tra đánh giá đối với giáo dục trung học có nhấn mạnh về việc tiếp tục đổi mới kiểm tra và đánh giá nhằm đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của học sinh. Kiểm tra đánh giá cần đổi mới theo chú trọng đánh giá phẩm chất và năng lực của học sinh.

Khâu đột phá trong kiểm tra đánh giá, theo chúng tôi chính là nhà giáo dục, hay trong trường hợp cụ thể này là giáo viên. Giáo viên phải có sự thay đổi trong cách tư duy về kiểm tra, đánh giá; từ đó sẽ dẫn đến việc thực hiện, triển khai trong thực tế.

Theo chúng tôi nội dung bồi dưỡng cần tập trung vào những điểm sau:

- Nâng cao năng lực nhận thức và năng lực đội ngũ của Cán bộ quản lý, giáo viên về kiểm tra đánh giá
- Trang bị kiến thức hiện đại về nội dung, phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá cho Cán bộ quản lý và giáo viên
- Trang bị kiến thức về công nghệ thông tin để ứng dụng vào kiểm tra đánh giá
- Bồi dưỡng kỹ năng kiểm tra đánh giá cho giáo viên, bao gồm:
 - Kỹ năng xây dựng các mục tiêu dạy học
 - Kỹ năng thiết kế tiêu chí, các công cụ kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh
 - Kỹ năng lựa chọn và áp dụng các hình thức kiểm tra đánh giá
 - Kỹ năng tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá như một phương pháp, phương tiện dạy học
 - Kỹ năng quản lý và sử dụng các thông tin kiểm tra đánh giá vào các hoạt động dạy học (điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp, hỗ trợ thúc đẩy người học..)

- Kỹ năng chẩn đoán sự tiến bộ của người học, tư vấn, định hướng học tập cho người học

Hiện nay, chúng ta đang tiến hành đổi mới hướng đến chương trình giáo dục định hướng năng lực cho người học. Trước hết, giáo viên cần phải hiểu được sự khác nhau giữa chương trình giáo dục định hướng nội dung và chương trình giáo dục định hướng năng lực để có sự thay đổi trong quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá

	CTGD định hướng nội dung	CTGD định hướng năng lực
Mục tiêu giáo dục	Mục tiêu dạy học được mô tả không chi tiết và không nhất thiết phải quan sát, đánh giá được	Kết quả học tập cần đạt được mô tả chi tiết và có thể quan sát, đánh giá được, thể hiện được mức độ tiến bộ của học sinh một cách liên tục
Nội dung giáo dục	Việc lựa chọn nội dung dựa vào các khoa học chuyên môn, không gắn với các tình huống thực tiễn, nội dung được quy định chi tiết trong chương trình	Lựa chọn những nội dung nhằm đạt được kết quả đầu ra đã quy định gắn với các tình huống thực tiễn. Chương trình chỉ quy định những nội dung chính, không quy định chi tiết
Phương pháp dạy học	Giáo viên là người truyền thụ tri thức, là trung tâm của quá trình dạy học. Học sinh tiếp thu thụ động những tri thức được quy định sẵn	Giáo viên chủ yếu là người tổ chức, hỗ trợ học sinh tự lực và tích cực lĩnh hội tri thức, chú trọng sự phát triển khả năng giải quyết vấn đề, khả năng giao tiếp. Chú trọng sử dụng các quan điểm, phương pháp, và kỹ thuật dạy học tích cực, các phương pháp dạy học thí nghiệm, thực hành
Hình thức dạy	Chủ yếu dạy học lý thuyết trên lớp	Tổ chức hình thức dạy học đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu khoa học, trải

học		nghiệm sáng tạo, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin-truyền thông trong dạy và học
Điều kiện dạy học	Chủ yếu khai thác các điều kiện dạy học trong phạm vi nhà trường	Sử dụng các điều kiện về cơ sở vật chất trong trường như phòng thí nghiệm, thư viện.. Khai thác các điều kiện bên ngoài nhà trường như các trường ĐH, CĐ, di tích lịch sử, văn hóa, nguồn lực máy tính, internet như bài giảng điện tử, elearning, vv
Đánh giá kết quả học tập của người học	Tiêu chí đánh giá được xây dựng chủ yếu dựa trên sự ghi nhớ và tái hiện nội dung đã học	Tiêu chí đánh giá dựa vào năng lực đầu ra, có tính đến sự tiến bộ trong quá trình học tập, chú trọng khả năng vận dụng trong các tình huống thực tiễn

Về nhận thức, các cán bộ quản lý, giáo viên cần nhận thức được mục đích quan trọng nhất của hoạt động đánh giá. Do đó, giáo viên cần giảm áp lực của điểm số vì điểm số chỉ có tác dụng khi xếp loại học lực, đồng thời tăng cường nhận xét để giúp học sinh nhìn thấy rõ những yếu kém, sai lệch của mình trong học tập và tìm cách khắc phục;

Về phương thức đánh giá, các nhà trường cần triển khai công tác đánh giá kết quả học tập theo một tiến trình gồm ba công đoạn với hành động cụ thể là thu thập thông tin đánh giá, xử lý và phân tích thông tin đã thu thập, ra quyết định đánh giá.

Ở các nhà trường phổ thông, giáo viên thường không có quyền được lựa chọn phương pháp kiểm tra đánh giá. Tuy nhiên, khi giáo viên được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng

này, giáo viên có thể đánh giá việc thực hiện, phản hồi kịp thời cho bản thân, cho tổ bộ môn, BGH nhà trường hoặc cấp cao hơn nữa để có thể có những điều chỉnh phù hợp.

2. Thay đổi cách đánh giá dành cho môn Ngoại ngữ

Hiện nay có nhiều hình thức kiểm tra và đánh giá khác nhau được áp dụng ở các trường phổ thông như: thi viết (tự luận), thi trắc nghiệm, bài tập,...nhưng các biện pháp kiểm tra và đánh giá của chúng ta chủ yếu mới quan tâm đến mục tiêu chính là xem học sinh nắm được các kỹ năng và kiến thức cơ bản đến mức nào mà chưa quan tâm đến việc đánh giá các phương pháp giảng dạy, hiệu quả khóa học...Mức độ nắm bắt kiến thức và các kỹ năng khác nhau của học sinh phụ thuộc rất nhiều vào phương pháp giảng dạy và mục tiêu của chương trình đào tạo.

Do vậy, việc lựa chọn hình thức đánh giá phụ thuộc trước hết vào mục tiêu đánh giá:

- Đánh giá mức độ học sinh nắm được các kiến thức và kỹ năng cơ bản
- Đo lường sự tiến bộ của học sinh
- Phát hiện những khó khăn mà học sinh hay gặp
- Đánh giá các phương pháp giảng dạy
- Đánh giá hiệu quả của khóa học
- Động viên học sinh trong quá trình học tập

Về phương thức đánh giá kết quả học tập, cần xác định mục tiêu đánh giá, đó là phạm vi, là lĩnh vực đánh giá đối với từng lớp, từng chương cụ thể,... Cần căn cứ vào tính chất của giai đoạn giáo dục và thời điểm tiến hành hoạt động đánh giá để lựa chọn mục tiêu đánh giá thích hợp. Đối với chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam hiện nay, mục tiêu đánh giá được phân chia thành ba lĩnh vực là kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mỗi mục tiêu thuộc lĩnh vực lại được diễn tả cụ thể hơn bởi các chuẩn kiến thức, kỹ năng. Bên cạnh mục tiêu được phân chia như trên, cần hướng tới mục tiêu đánh giá theo cách tiếp cận năng lực. Khi đó cần căn cứ vào mục tiêu của môn học để xác định các năng lực cần hình thành và phát triển ở người học thông qua các môn học. Sau khi đã xác định mục tiêu, cần xây dựng nội dung và tiêu chí đánh giá. Nội dung đánh giá là những kiến thức, kỹ năng được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông. Các tiêu chí

đánh giá chính là cơ sở đánh giá sự thành công, tiến bộ trong học tập của học sinh. Tiếp đó, cần xác định các loại hình đánh giá, lựa chọn phương pháp và kỹ thuật đánh giá. Cuối cùng là phân tích và sử dụng kết quả đánh giá.

Đánh giá kết quả học tập của học sinh cần chú trọng đánh giá quá trình: đánh giá trên lớp; đánh giá bằng hồ sơ; đánh giá bằng nhận xét; tăng cường hình thức đánh giá thông qua sản phẩm dự án; bài thuyết trình; kết hợp kết quả đánh giá trong quá trình giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đều hướng tới phát triển năng lực của học sinh; coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của các em trong quá trình dạy học. Việc kiểm tra, đánh giá không chỉ là việc xem học sinh học được cái gì mà quan trọng hơn là biết học sinh học như thế nào, có biết vận dụng không. (Trích *Thông tư 4099/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 05/08/2014 hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2014-2015 đối với giáo dục trung học*)

Trong quá trình thực hiện các hoạt động dạy học, giáo dục, giáo viên cần coi trọng việc quan sát và hướng dẫn học sinh tự quan sát các hoạt động và kết quả hoạt động học tập, rèn luyện của các em; nhận xét định tính và định lượng về kết quả hoạt động, qua đó đề xuất hoặc triển khai kịp thời các hướng dẫn, góp ý, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh. Giáo viên cần chú trọng đánh giá theo mục tiêu bài học trong suốt tiến trình dạy học thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập, trình diễn kết quả

Chủ động kết hợp một cách hợp lý, phù hợp giữa hình thức trắc nghiệm tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lý thuyết và kiểm tra thực hành trong các bài kiểm tra. Khi chấm bài kiểm tra phải có phần nhận xét, động viên sự cố gắng, tiến bộ của học sinh. Việc cho điểm có thể kết hợp giữa đánh giá kết quả bài làm với theo dõi sự cố gắng, tiến bộ của học sinh.

Giáo viên cần chú trọng phát triển kỹ năng tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh với nhiều hình thức khác nhau như theo lời giải/ đáp án mẫu, theo hướng dẫn, tự xác định tiêu chí để có thể phê phán, tìm được nguyên nhân và nêu cách sửa chữa sai sót.

Để người học có thể tự đánh giá năng lực ngoại ngữ của mình trên cơ sở đó lập kế hoạch và xây dựng lộ trình, phương pháp học tập và tự học để đạt được trình độ theo quy định, KNLNNVN cung cấp Bảng tự đánh giá năng lực cho người học (*Tham khảo phụ lục kèm theo*)

Thực hiện công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn triển khai kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực môn tiếng Anh cấp trung học từ năm học 2014-2015, một số sở giáo dục và đào tạo như Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Sơn La... đã ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện; trong đó chú trọng đến việc hướng dẫn giáo viên xây dựng nội dung, độ khó và mức độ yêu cầu năng lực của bài kiểm tra căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng và định hướng năng lực đầu ra của từng khối lớp theo quy định trong chương trình của cấp học; Việc kiểm tra, đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như: định lượng (cho điểm), định tính (nhận xét, xếp loại), kết hợp đánh giá của giáo viên, đánh giá lẫn nhau và tự đánh giá của học sinh. Các loại hình kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy và học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (đối thoại, độc thoại), kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kỹ năng, kiến thức ngôn ngữ và các hình thức đánh giá khác. (*Tham khảo bản phụ lục kèm theo*). Tuy nhiên, theo chúng tôi, để giúp các giáo viên các trường phổ thông triển khai hoạt động kiểm tra đánh giá đạt hiệu quả cần có sự hướng dẫn cụ thể, chi tiết hơn ví dụ như việc lựa chọn các loại văn bản như thế nào, độ khó ra sao là phù hợp, nguồn tham khảo tư liệu ở đâu, vv.

3. Xây dựng ngân hàng đề thi

Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề thi, kiểm tra theo ma trận; chỉ đạo việc ra các câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn đúng thay vì chỉ có các câu hỏi 1 lựa chọn đúng như trước đây; triển khai phần kiểm tra tự luận trong các bài kiểm tra viết môn ngoại ngữ. Tiếp tục nâng cao chất lượng việc thi cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết đối với môn ngoại ngữ (Trích *Thông tư 4099/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo*

ban hành ngày 05/08/2014 hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2014-2015 đối với giáo dục trung học)

Đối với môn Ngoại ngữ, Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Theo *Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*) là căn cứ để xây dựng tiêu chí trong kiểm tra, thi và đánh giá ở từng cấp học; làm căn cứ cho giáo viên lựa chọn và triển khai nội dung, cách thức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá để người học đạt được yêu cầu của chương trình đào tạo; giúp người học hiểu được nội dung, yêu cầu đối với từng trình độ năng lực ngoại ngữ và tự đánh giá năng lực của mình.

Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN) được phát triển trên cơ sở tham chiếu, ứng dụng CEFR và một số khung trình độ tiếng Anh của các nước, kết hợp với tình hình và điều kiện thực tế dạy, học và sử dụng ngoại ngữ ở Việt Nam. KNLNNVN được chia làm 3 cấp (Sơ cấp, Trung cấp và Cao cấp) và 6 bậc (từ Bậc 1 đến Bậc 6 và tương thích với các bậc từ A1 đến C2 trong CEFR).

KNLNNVN		CEFR
Sơ cấp	Bậc 1	A1
	Bậc 2	A2
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

Trong báo cáo này chúng tôi sẽ tập trung vào Khung năng lực dành cho học sinh học sinh THCS (bậc 2- Tương đương A2 CEFR) và THPT (bậc 3- tương đương B1 CEFR) *(Tham khảo các đặc tả kỹ năng, miêu tả định dạng, chủ điểm, tình huống, trọng độ khó của các bài thi ở phần Phụ lục)*

Các bậc	Mô tả tổng quát
Bậc 2	Có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm). Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.
Bậc 3	Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

4. Xây dựng “Nguồn học liệu mở”

Tăng cường ra câu hỏi, bài tập kiểm tra theo định hướng phát triển năng lực để bổ sung cho thư viện câu hỏi của trường. Tăng cường xây dựng "Nguồn học liệu mở" (thư viện) câu hỏi, bài tập, đề thi, kế hoạch bài dạy, tài liệu tham khảo có chất lượng trên website của Bộ (tại địa chỉ <http://giaoducphothong.edu.vn>) của sở/phòng GDĐT và các trường học. Chỉ đạo cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh tích cực tham gia Diễn đàn trên mạng (<http://danhgia.truonghocao.edu.vn>) về đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh. (Trích *Thông tư 4099/BGDĐT-GDTrH của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 05/08/2014 hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2014-2015 đối với giáo dục trung học*).

Giáo viên có thể tham khảo nguồn tư liệu trên một số website

www.cambridgeenglish.org/learning-english/find-free-resources/
www.ets.org/toefl_junior
www.elteach.com.

Một khó khăn đối với giáo viên là tìm các nguồn dữ liệu cho bài thi Nghe, Nói. Dưới đây là một số đường link hữu ích cho giáo viên khai thác hình ảnh, audio, video phục vụ cho việc giảng dạy và soạn câu hỏi thi. (Trích từ trang vietcall.edu.vn)

<http://www.library.cornell.edu/preservation/tutorial/intro/intro-08.html>

<http://www.udel.edu/cookbook/web/giftoot/giftips.html>

<http://www.udel.edu/cookbook/web/giftoot/giftips.html>

<http://www.animationfactory.com/en/>

<http://capl.washjeff.edu/>

<http://www.clipart.com/en/>

<https://www.google.com/webhp?sourceid=chrome-instant&ix=h9&ie=UTF->

<http://www.gimp.org/>

<http://pixlr.com/>

<https://www.google.com>

<https://www.google.com>

<http://www.eslpod.com/>

<http://www.libtiff.org/video-formats.html>

<http://www.freetech4teachers.com/2010>

<http://search.creativecommons.org>

<http://www.schooltube.com/>

Giáo viên cũng có thể ứng dụng ICT vào trong quá trình kiểm tra đánh giá như sử dụng phần mềm Hot Potatoes thiết kế quiz, word puzzle, gap fill

http://hotpot.uvic.ca/setup_hotpot_6305.exe

Ngoài ra để phục vụ cho việc giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể khai thác một số công cụ sau:

Kỹ năng nói:

- ESL Video: <http://www.eslvideo.com>
- Story Jumper: <http://www.story-jumper.com>
- Storybird: <http://www.storybird.com>
- Zooburst: <http://www.zooburst.com>
- Bookemon: <http://www.bookemon.com>
- Tikatok: <http://www.tikatok.com>

Kỹ năng viết

- Edusoft: <http://www.edusoftlearning.com/>
- Wikis: <http://www.wikis.com> (ESL Wiki, ESL Wikiwise)
- EasyPrompter: <http://www.easyprompter.com>

Từ vựng và Ngữ pháp

- Lextutor: <http://www.lex tutor.com>
- Quizlet: <http://www.quizlet.com>

LET'S WORK TOGETHER: MAXIMIZING STUDENT GROUP WORK IN YOUR CLASSROOM!!!

*Amy Jammeh, M.A. TESL
English Language Fellow, 2014-2015
U.S. Department of State
Vinh University, Vietnam*

Overview

The importance of working in groups is not a new concept in the English language classroom. However, many times and for various reasons, group work can become burdensome for the teacher and/or not meaningful for English language learners. In this report, the author discusses the reasons why troublesome group work should not be abandoned or, worse yet, continued in the classroom. A discussion of effective strategies and techniques for forming, managing, and using group work in the classroom is presented. An overview of several diverse group structures activities that maximize successful learning in groups is given.

I. Characteristics of Effective Groups

There are many ways to characterize what effective groups look like. An interesting way to examine the nature of group work is to look at the PIES model created by Spencer Kagan, an American educator who has done extensive research on collaborative learning and managing group work. His model is summarized below:

Kagan (2009) PIES Model

According to Kagan (2009), every group activity should have these four elements:

- **Positive Interdependence**
Every group must have positive interdependence. This means that every member of the group is working towards a common goal and the outcomes are positive if everyone works together. Group tasks must also allow for students to depend on each other. To create interdependence, the teacher could limit resources, assign multi-faceted tasks to complete or distribute roles/responsibility for each member to contribute to the final task, or reward all teams if a specific goal is met.

As a teacher, some questions to ask before assigning group work are:

1. Are the students on the same side? Are all members working towards a common goal? (Positive)
2. Does the task ask them to work together? Is there an opportunity (and willingness) to help others if necessary? (Interdependence)

- **Individual Accountability**

When students know they will be held accountable for an individual performance in a group task they are more motivated and try harder than when they know no one will see how much they have learned or how well they can perform. This is why every group task must all allow for individual accountability. Individual accountability must be:

Individual: The performance is done without help.

Public: Someone witnesses the performance, whether it is the teacher or other students.

Required: The performance is required.

When examining individually accountability, teachers must ask if an individual, public performance is required.

- **Equal Interaction/participation**

There should be equal interaction/participation among group members when participating in group work. Some methods to ensure equal interaction/participation among group members is to design group tasks that have:

- Individual Accountability
- Role Assignments
- Rules
- Think Time (time to think before sharing)
- Time Allocation

□ Turn Taking

Questions to ask oneself before assigning group work are: Is participation among group members approximately equal? Does everyone have a chance to participate?

• Simultaneous Interaction

Although it is not entirely possible to have every member participate at the same time, group tasks should maximize the most interaction/participation as possible. The more members working on a task, the less likely they are to be off task. Having simultaneous interaction group tasks allow for more students to be active and engaged in learning.

Teachers need to gauge what percent of students are overtly interacting at once in a group activity. If the percentage is low, then more simultaneous interaction is needed.

In addition to Kagan's PIE model, there are other characteristics to consider when creating effective groups. Some of them are summarized below:

Group Heterogeneity

Groups should differ in gender, ability levels, social class, background, and so on.

Group Size

Groups should be relatively small in size. The ideal size is four, but it can be as large as six. If a group exceeds more than six members, then the likelihood of achieving PIES is lowered.

Type of Groups

There are three types of groups: formal, informal, and collaborative base. They are defined as followed:

Formal: Students work together, for one class period to several weeks, to achieve shared learning goals and complete jointly specific tasks and assignments.

Informal: Students work together to achieve a joint learning goal in temporary, ad-hoc groups that last from a few minutes to one class period.

Collaborative Base: Long-term (for the whole term or longer), heterogeneous cooperative learning groups with stable membership.

II. Benefits of Effective Collaborative Group Work

There are many reasons to have collaborative group work in the classroom. A summary of the benefits of incorporating group work into the classroom are:

- **More Active & Engaged Learning**
Students are doing something and are responsible for a part of a task---not just listening to the teacher.
- **Higher Motivation**
Collaborative learning produces bigger increases in general, academic and social self-esteem than non-cooperative methods (Slavin, 1995 / Johnson & Johnson, 1995). Students also attribute success to hard work and ability than to luck (Slavin, 1995).
- **Higher Achievement**
Students of all levels (elementary, secondary, college, adult) who worked cooperatively outscored students who worked competitively (Qin, Johnson, Johnson, 1995).
- **Learning of “soft skills”**
Students learn skills such as managing conflicts, negotiating, fostering positive relationships that enable them to interact effectively and harmoniously with other people.
- **Reflects real-life situations of working with diverse individuals on a particular task**
In almost every aspect of a person’s life, he/she is required to work with other people.

III. Several Problems with Collaborative Group Work

Many teachers may avoid implementing collaborative group activities in their classrooms because of the problems that are associated with working in groups. Some of the problems are uncontrollable; however, some can be avoided. The charts below summarize several common problems with group work and suggest possible solutions to these problems.

Uncontrollable Problems

Problems	Possible Solutions
-Large classes	-Fixed groups (same group for every activity, collaborative team base)
-Classroom environment (ex. fixed seating arrangement, small/crowded classroom)	-If possible, ask student monitors/leaders to come before class to pre-arrange seating that is conducive to group work -Pair work vs. group work

Controllable Problems

Problem	Possible Solutions
-Overly dominant members who want to do all the work	-Teach students how to work in groups
-Overly shy or unconfident members who don't contribute enough	-Clear explanations, modeling, and feedback
-Personality conflicts among members	
-Misunderstandings about group task and/or responsibilities	-<u>Routine</u> group work tasks!!! -<u>Structured</u> group work tasks!!!

IV. Several Ways to Teach How to Work in Groups

This section give several suggestions and tips on how to prepare your students for successful group work activities.

Establish a routine

It is important to make the expectations of the group work tasks clear to the students. Providing clear examples/explanations and modeling what an effective group work looks like is crucial. Also, teachers should give individual and group feedback during and after group work activities when possible.

It is important to note that working in a group is a **SKILL** that students must learn. Many group work activities do NOT work at first. By establishing ROUTINE group work, students will learn how to effectively work in groups. An unsuccessful group work activity may not be a sign of ineffective teaching or learning. It may be a sign that the students have not learned the routine of group work.

Provide Language Support

Student-generated anchor charts are a useful tool for students to refer to during group work activities. Anchor charts are visual representations (ex. posters) of content, strategies, cues, and guidelines that can be posted in the room. These charts keep relevant and current learning accessible to students and may help them as they answer questions, expand ideas, or contribute to discussions and problem-solving in their group. Types of anchor charts for group work may include group discussion skills (ex. giving reasons, asking/giving for clarification, turn-taking, agreeing/disagreeing), content vocabulary, or group rules/guidelines.

Establish Rules, Roles and Responsibilities

Students must be accountable for both their individual and group behavior. To prevent group behavior problems, it is recommend that rules, roles, and/or responsibilities are established. For example, as a class, students can create group rules or guidelines to be put on an anchor chart. When conflicts among group members arise (and they will), having established rules to refer back to may help resolve them.

Another way to reduce conflicts is to have every student have a role or responsibility. Some examples of group member roles and responsibility include, but are not limited to, the following:

Leader

Secretary

Presenter

English Monitor

Summarizer

Implement Kagan Structures

As mentioned earlier, Spencer Kagan has researched and contributed immensely to the field of collaborative learning. From his research he has designed over 150+ structures to approach cooperative learning and group work. These structures are content-free ways of organizing social interaction in the classroom. They can be used repeatedly with almost any subject matters, at a wide range of grade levels, and at various points of a lesson plan. Kagan structures can be used for a variety of purposes such as team or class building, checking mastery of information, developing concepts, sharing information, communicating, and thinking. Kagan believes

“Teachers who are well versed in a variety of team structures can create skillful lessons that engage and enlighten their students” (Kagan, 1989).

V. Several Kagan Structures for Collaborative Group Work Tasks

Although there are many Kagan structures, below are several structures that are common and popular among many educators.

Think-Pair-Share

<p><u>Academic Function</u>: Generating and revising hypotheses, inductive reasoning, deductive reasoning, application.</p>

Steps

1. Students think to themselves or write on a topic or question, preferably one demanding analysis, evaluation, or synthesis, provided by the teacher.
2. After 30 seconds, students turn to partners and share their responses, thus allowing time for both rehearsal and immediate feedback on their ideas.
3. Then they share their thoughts with the class. Through this structure, all students have an opportunity to learn by reflection and by verbalization.

Jigsaw

Academic Function: Acquisition and presentation of new material, concept development

Steps

1. Each group becomes an “expert” about a structured group work task by working with the other members. By the end of the discussion, you should be able to confidently present the task to another person not in your group.
2. The “experts” from each group are then arranged into a new group and share their knowledge about each group work task.

Academic Function: Sharing information and concept development.

3 – Step Interview

Steps

1. The teacher provides the interview questions and states the duration of the interview.
2. The teacher calls for ‘think’ time.

3. In pairs, student A interviews student B.
4. Student A thanks and praises student B.
5. The pairs switch roles: student B interviews student A and again thanks and praises.
6. The pairs then pair up to form groups of four.
7. Round Robin: Each student in turn shares with the team what he/she learned in the interview.

Numbered Heads Together

Academic Function: Review, checking for knowledge, comprehension.

Steps

1. Students count off numbers in their groups, so that each student has a number: 1, 2, 3, or 4.
2. Teacher provides a question/problem and gives wait time
3. Students stand up and “put their heads together” to discuss and teach each other the question/problem.
4. Students sit down when everyone knows the answer or has something to share or when time is up.
5. Teacher calls a number. The student with that number from each team answers question individually.

Academic Function: Practicing skills, mastery.

Pairs Check

Steps

1. In a group of four, two pairs are formed. Student A in each pair does the first problem, talking out loud. Student B watches, coaches, and praises.
2. Trade roles: Student B does the next problem. Student B watches, coaches, and praises.
3. After every two problems, the two pairs in each group check answers with each other.

The group members coach and correct if needed.

<p><u>Academic Function</u>: Checking for understanding, review, processing, helping.</p>

Inside/Outside Circle

Steps

1. Students stand in two concentric circles, facing a partner. The inside circle faces out; the outside circle faces in.
2. Students use flash cards to ask questions of their partner, or they may take turns responding to a teacher question(s).
3. Partners switch roles: outside circle students ask, listen, then praise or coach.
4. After each question or set of questions, students in the outer or inner circle rotate to the next partner. (Teacher may call rotation numbers: “Rotate three ahead.”)

Variation: Instead of having students form two concentric circles, have students form in two parallel lines.

VI. Summary

It is undeniable that group work in the English language classroom is a valuable tool for both teachers and learners. However, in order to avoid unsuccessful group work, teachers must consider the characteristics of effective group work and try to avoid problems due to

the lack of routine, language support, organization, and structure. Applying Kagan structures to group work tasks can aid in fostering effective collaborative learning.

References

Biehler & Snowman. (1997). *Psychology Applied To Teaching* (8 ed.). Boston, MA: Houghton Mifflin. (Chapters 4 & 11).

Dahley, D. (1994). Cooperative learning classroom research. Retrieved from http://alumni.media.mit.edu/~andyd/mindset/design/clc_rsch.html.

Kagan, S. (1989). The structural approach to cooperative learning. *Educational Leadership*, 47 (4), p. 12-15.

Kagan, S., Kagan, M. (2009). *Kagan cooperative learning*. San Clemente, Ca: Kagan Publishing.

Johnson & Johnson. (2009). An Educational Psychology Success Story: Social Interdependence Theory and Cooperative Learning. *Educational Researcher*, 38, p. 365

Marzano, Pickering & Pollock. (2001). *30 Strategies to promote cooperative learning*.

For more lists of Kagan Structures, visit:

https://manning-literacy.wikispaces.com/file/view/kagan_strats.pdf

<https://www.ntlp.org.uk/Controls/Repository/Imported/Files/GetFile.ashx?FileId=d70de306-df7b-4596-b6a7-ab5f7cc96037>

HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA NÂNG CAO NĂNG LỰC HỌC NGOẠI NGỮ CHO HỌC SINH THCS VÀ THPT

Xu hướng hội nhập và phát triển đòi hỏi thanh niên Việt Nam nói chung, học sinh, sinh viên Việt Nam nói riêng phải có trình độ học vấn cao, có năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn đời sống, năng lực làm việc, sử dụng tốt ít nhất một ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh. Yêu cầu cấp bách về việc sử dụng tiếng Anh như một quốc tế ngữ để đáp ứng tiến trình hội nhập quốc tế đòi hỏi sự thay đổi căn bản và toàn diện trước hết là trong việc dạy, cụ thể là chuyển dần từ dạy ngoại ngữ như một môn khoa học sang dạy như một môn kỹ năng nhằm nâng cao khả năng suy nghĩ, lập luận, tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề, từ sử dụng phương pháp giảng dạy truyền thống (phương pháp ngữ pháp-dịch) sang đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp nhằm giúp người học sử dụng nó như một công cụ để thực hành, để sống, để làm việc, giao tiếp, hội nhập.

Để đạt được mục tiêu trên, việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh nhằm xây dựng cộng đồng học tập ngoại ngữ có vai trò hết sức quan trọng trong việc hỗ trợ việc dạy và học ngoại ngữ. Với những nét đặc trưng phong phú, hấp dẫn về nội dung, chương trình hoạt động cũng như cách thức tổ chức triển khai không những tạo nên một sự bổ sung cần thiết cho cách thức tổ chức dạy học và phương pháp xây dựng chương trình, tài liệu dạy học ngoại ngữ mà còn góp phần chuyển mạnh từ việc dạy học để biết ngoại ngữ sang hình thành các kỹ năng ngoại ngữ, nâng cao từng bước năng lực sử dụng ngoại ngữ, cũng như mở rộng vốn kiến thức tổng hợp của người học. Đây là một trong những giải pháp trọng tâm để thực hiện thành công đổi mới toàn diện dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân của Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020.

1. SỰ CẦN THIẾT CỦA HOẠT ĐỘNG NGOẠI KHÓA

Hoạt động ngoại khóa (HĐNK) là những hoạt động được tổ chức ngoài giờ học chính khóa, thường mang tính chất tự nguyện hơn là bắt buộc. HĐNK là sự tiếp nối hoạt động dạy - học trên lớp, là con đường gắn lý thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức với hành động của người học, là việc tổ chức giáo dục thông qua hoạt

động thực tiễn của người học và có vai trò hết sức quan trọng trong việc bổ sung những kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm sống cho người học.

Đối với việc dạy - học ngoại ngữ, tổ chức HĐNK cho học sinh THCS và THPT là hết sức cần thiết.

Thứ nhất, thực tế cho thấy, học sinh ở các trường THCS và THPT ít có điều kiện thực hành các kỹ năng ngôn ngữ, đặc biệt là kỹ năng nghe và nói. Do vậy, HĐNK sẽ tạo một môi trường thuận lợi và tích cực giúp học sinh có điều kiện hình thành, rèn luyện các kỹ năng thực hành tiếng, áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống thông qua các hoạt động phong phú, đa dạng, hấp dẫn. Hơn nữa, môi trường thực hành tiếng tích cực thông qua HĐNK sẽ giúp học sinh từng bước nâng cao sự tự tin, năng động, hứng thú trong việc học và sử dụng ngoại ngữ. Đây là yếu tố ảnh hưởng lớn đến mức độ thành thạo, lưu loát trong giao tiếp ngoại ngữ của học sinh.

Thứ hai, HĐNK góp phần tích cực trong việc tạo dựng cách học và định hướng phong cách học của học sinh nhằm đẩy nhanh hiệu quả, chất lượng không chỉ trong dạy học ngoại ngữ mà còn trong việc sử dụng ngoại ngữ trên mọi khía cạnh và lĩnh vực của đời sống, giúp học sinh thể hiện năng lực, niềm yêu thích, đam mê của chính mình qua đó nâng cao nhận thức, thái độ học tập tích cực.

Thứ ba, xuất phát từ thực trạng hiện nay là chương trình sách giáo khoa ở bậc THCS và THPT chưa cung cấp được lượng kiến thức nền cần thiết cho người học, có chăng lượng kiến thức nền chủ yếu tập trung vào các quốc gia nói tiếng Anh. Trong khi đó, trước xu thế hội nhập quốc tế nói chung và khu vực nói riêng, thì lượng kiến thức nền về các quốc gia Đông Á, đặc biệt là kiến thức về văn hóa (kể cả các quốc gia không sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức) là hết sức cần thiết bởi lẽ ngoài các nước thuộc Liên minh Châu Âu (EU), Mỹ... thì tiến trình hội nhập Đông Á trong đó thành lập một Cộng đồng ASEAN vào năm 2015 sẽ thu hút ngày càng nhiều nhà đầu tư từ các quốc gia trong khu vực vào Việt Nam. Trước xu thế đó, việc tổ chức HĐNK nhằm bổ sung kiến thức nền, đặc biệt là kiến thức về văn hóa của các quốc gia trong khu vực và thế giới là hết sức cần thiết đối với học sinh, giúp học sinh mở rộng tri thức, định hướng nghề

nghiệp tương lai và là cầu nối trong việc giao lưu văn hoá và phát triển nền kinh tế của đất nước với bạn bè thế giới.

Thứ tư, HĐNK không chỉ tạo môi trường học tập và sử dụng ngoại ngữ bền vững mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh mở rộng mối quan hệ với bạn bè, gắn bó với cộng đồng, chia sẻ kinh nghiệm học tập, bổ sung kỹ năng sống, phát triển các kỹ năng mềm...nhằm hướng đến mục tiêu phát triển toàn diện cho học sinh.

2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG

Để tìm hiểu thực trạng của việc tổ chức HĐNK ở trường THCS và THPT, chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng phiếu lấy ý kiến đánh giá của 921 học sinh (621 học sinh THPT và 300 học sinh THCS) tại 3 trường: Trường Quốc học Huế (học sinh THCS và THPT), Trường THPT Lê Viết Thuật (TP. Vinh, Nghệ An) và Trường THCS Trung Đô (TP. Vinh, Nghệ An). Kết quả khảo sát thể hiện ở Bảng 1.

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy, học sinh rất ít có điều kiện tham gia các HĐNK. Trường có triển khai hoạt động chủ yếu là câu lạc bộ tiếng Anh nhưng mức độ triển khai không thường xuyên hoặc chưa từng tổ chức. Các hoạt động khác ít được quan tâm. Ngay cả khi trường tổ chức HĐNK thì chất lượng của hoạt động chưa cao, chưa mang lại mức độ hứng thú cao cho học sinh và chưa thu hút được số lượng lớn học sinh tham gia để tạo ra một cộng đồng học ngoại ngữ (số liệu thể hiện ở Bảng 2).

Bảng 1: Thực trạng tổ chức HĐNK ở trường của bạn hiện nay

Hoạt động	Chưa khi nào tổ chức	Đã từng tổ chức	Tổ chức theo định kỳ tháng/quý
Câu lạc bộ tiếng Anh	38.66%	45.5%	15.84%
Thi Olympic tiếng Anh	41.92%	26.38%	31.7%
Gala hoặc Dạ hội tiếng Anh	84.6%	25.4%	0%
Thi hùng biện tiếng Anh (Speaking Contest)	66.23%	33.77%	0%

Diễn đàn về phương pháp học ngoại ngữ cho học sinh	49.85%	31.05%	19.1%
Chương trình định hướng học tiếng Anh cho học sinh đầu năm học	51.17%	29.53%	19.3%
Phong trào “Tuần sử dụng tiếng Anh” vào dịp lễ lớn	58.75%	22.58%	18.67%
Giao lưu giữa HS trường với các cơ sở/trung tâm giảng dạy tiếng Anh	64.71%	35.29%	0%
Giao lưu tiếng Anh giữa học sinh các trường THPT trên địa bàn	51.26%	28.77%	19.97%
Hoạt động tham quan, dã ngoại	46.69%	32.03%	21.28%
Khác:	64.82%	18.35%	16.83%

Bảng 2: Mức độ hứng thú của bạn khi tham gia các HĐNK trường

Hoạt động	Không hứng thú	Tương đối hứng thú	Rất hứng thú
Câu lạc bộ tiếng Anh	15.46%	61.19%	23.34%
Thi Olympic tiếng Anh	37.46%	41.69%	20.85%
Gala hoặc Dạ hội tiếng Anh	40.71%	30.73%	28.56%
Thi hùng biện tiếng Anh (Speaking Contest)	39.21%	36.8%	23.99%
Diễn đàn về phương pháp học ngoại ngữ cho học sinh	37.9%	38.11%	23.99%
Chương trình định hướng học tiếng Anh cho học sinh đầu năm học	44.08%	33.88%	22.04%
Phong trào “Tuần sử dụng tiếng Anh” vào dịp lễ lớn	42.02%	33.88%	22.1%

Giao lưu giữa HS trường với các cơ sở/trung tâm giảng dạy tiếng Anh	33.35%	53.85%	12.8%
Giao lưu tiếng Anh giữa học sinh các trường THPT trên địa bàn	41.2%	33.7%	25.1%
Hoạt động tham quan, dã ngoại	39.61%	34.44%	25.95%
Khác:	50.19%	32.21%	17.6%

3. NGUYÊN NHÂN

Để tìm hiểu nguyên nhân trên, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn học sinh. Kết quả ý kiến đánh giá của phần lớn học sinh là nội dung hoạt động, hình thức tổ chức chưa phong phú, hấp dẫn, độ tự tin và sự tham gia tích cực của học sinh chưa cao, người tham gia chưa được động viên khích lệ sử dụng hoàn toàn bằng tiếng Anh, và chưa tạo được môi trường thực hành tiếng thường xuyên.

Một số nguyên nhân khác có thể đề cập đến khi chúng tôi phỏng vấn trực tiếp giáo viên chủ nhiệm, Tổ bộ môn và Ban giám hiệu các trường trên là sự thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa Tổ bộ môn và giáo viên chủ nhiệm, thiếu sự quan tâm chỉ đạo của Ban giám hiệu và sự phối giữa Tổ bộ môn và Đoàn trường, sự chưa sẵn sàng của nhiều giáo viên ngoại ngữ, thiếu đội ngũ giáo viên ngoại ngữ có kinh nghiệm tổ chức HĐNK, điều kiện cơ sở vật chất phục vụ việc tổ chức HĐNK còn hạn hẹp.

Như vậy có thể thấy, dù số liệu khảo sát mới chỉ dừng lại ở số lượng nhỏ chưa lớn, song số liệu đó đã phần nào phản ánh thực trạng chung của việc tổ chức HĐNK tại các trường THCS và THPT hiện nay. Có thể nói, một thực trạng chung là các HĐNK hỗ trợ hoạt động dạy và học ngoại ngữ chưa được quan tâm đúng mức hoặc có tổ chức nhưng chưa được thường xuyên, nội dung chương trình hoạt động chưa thực sự phong phú, lôi cuốn học sinh tham gia, thiếu môi trường giao tiếp ngoại ngữ thường xuyên. Đây là những nguyên nhân chính dẫn đến sự thiếu tự tin trong giao tiếp ngôn ngữ và ảnh hưởng lớn đến hứng thú của học sinh khi tham gia hoạt động mà trường có tổ chức.

4. GIẢI PHÁP

Phần lớn học sinh ở các trường THPT và THCS mà chúng tôi tiến hành khảo sát cho rằng vai trò và sự tham gia tích cực từ phía giáo viên của Tổ bộ môn, sự quan tâm chỉ đạo của Ban giám hiệu trường và sự phối kết hợp tổ chức giữa Ban giám hiệu, Tổ bộ môn và Đoàn trường trong việc tổ chức HĐNK cho học sinh là cần thiết. Kết quả thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3: Quan điểm của bạn như thế nào về sự cần thiết tham gia tổ chức HĐNK cho HS từ phía giáo viên và các tổ chức trong trường

TT	Giáo viên/tổ chức trong trường	Không cần thiết	Cần thiết
1	Ban giám hiệu	15.96%	84.04%
2	Tổ bộ môn	6.84%	93.16%
3	Giáo viên chủ nhiệm	9.77%	90.23%
4	Đoàn trường	14.22%	85.78%
5	Ban tổ chức hoạt động ngoại khóa (là HS)	2.82%	97.18%

Do vậy, để khắc phục thực trạng kém hiệu quả của HĐNK, tạo môi trường giao tiếp ngoại ngữ thường xuyên cho học sinh nhằm tối ưu hóa vai trò, tầm quan trọng của HĐNK trong việc dạy và học ngoại ngữ ở trường THCS và THPT, trước hết cần có sự phối hợp triển khai đồng bộ từ Sở, Phòng GD-ĐT đến các trường THPT, THCS.

Đối với Sở, Phòng GD-ĐT

Sở, Phòng GD-ĐT cần gửi công văn, hướng dẫn về việc tổ chức HĐNK cho học sinh xuống các trường THPT, THCS ngay từ đầu năm học nhằm giúp trường sớm lập kế hoạch hoạt động trong năm. Xem việc triển khai HĐNK phục vụ việc dạy và học ngoại ngữ là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá thi đua khen thưởng, xếp loại trường. Đồng thời, sử dụng nguồn lực giáo viên tiếng Anh cốt cán để tập huấn, bồi dưỡng cho các Tổ bộ môn trong tổ chức HĐNK. Lấy mô hình HĐNK điển hình cấp tỉnh, cấp huyện để nhân rộng trên địa bàn, cùng với đó là tăng cường công tác kiểm tra đánh giá

hiệu quả hoạt động, có chính sách hỗ trợ, động viên kịp thời các trường tích cực tổ chức HĐNK.

Đối với trường THPT, THCS

Để triển khai HĐNK thường xuyên và hiệu quả, cần có sự chỉ đạo của Ban giám hiệu, sự tích cực triển khai của Tổ bộ môn, sự phối hợp chặt chẽ giữa Tổ bộ môn và giáo viên chủ nhiệm cũng như Đoàn trường, thành lập Ban tổ chức HĐNK cấp trường với đội ngũ học sinh có chuyên môn và nghiệp vụ tổ chức tốt làm nòng cốt.

Ban giám hiệu trường:

Ban giám hiệu phối hợp với Tổ bộ môn và Đoàn trường xây dựng và phê duyệt kế hoạch HĐNK đầu năm học; phổ biến kế hoạch HĐNK đến từng cán bộ, giáo viên; chỉ đạo Đoàn trường tuyên truyền, phổ biến cho học sinh về kế hoạch HĐNK; chỉ đạo Tổ bộ môn phối hợp với Đoàn trường và giáo viên chủ nhiệm tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; thành lập ban kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch HĐNK theo từng quý, từng tháng; hỗ trợ tài chính, nhân lực, vật lực cho HĐNK; phối hợp với Tổ bộ môn đánh giá kết quả, đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng HĐNK; báo cáo kết quả hoạt động lên Phòng (đối với trường THCS), Sở GD-ĐT (đối với trường THPT).

Tổ bộ môn:

Tư vấn cho Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch HĐNK phục vụ hoạt động giảng dạy tiếng Anh trong năm học theo định kỳ từng tháng, từng quý; lập chương trình, nội dung, hình thức tổ chức HĐNK; thành lập các tiểu ban, tập trung nhân lực (học sinh nòng cốt) bổ biến và triển khai thực hiện kế hoạch; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm và Đoàn trường phổ biến nội dung, địa điểm, hình thức tổ chức đến từng học sinh; đánh giá hiệu quả hoạt động, bài học kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả hoạt động sau mỗi HĐNK; báo cáo kết quả hoạt động, đề xuất kiến nghị với Ban giám hiệu.

Đoàn trường:

Phối hợp tích cực với Tổ bộ môn trong công tác tuyên truyền, bổ biến, vận động học sinh tham gia tích cực các HĐNK; hỗ trợ Tổ bộ môn trong công tác chuẩn bị, đặc

biệt là nhân lực và cơ sở vật chất; xem việc tham gia tích cực vào HĐNK là một trong những tiêu chí quan trọng để xếp loại đoàn viên cuối năm; góp ý với nhà trường để điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phù hợp nhằm thực hiện tốt kế hoạch HĐNK.

Thành lập Ban tổ chức HĐNK lấy học sinh làm lực lượng nòng cốt

Cần thiết thành lập Ban tổ chức HĐNK gồm đội ngũ học sinh có kiến thức ngoại ngữ và nghiệp vụ tổ chức HĐNK làm lực lượng nòng cốt để nắm bắt tâm tư nguyện vọng, sở thích của học sinh qua đó thiết kế chương trình nội dung, hình thức tổ chức phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và tạo hứng thú cho học sinh trong việc tham gia HĐNK; khuyến khích học sinh trong Ban tổ chức phát huy tuy duy sáng tạo trong việc đề xuất, triển khai hoạt động.

Gợi ý một số mô hình HĐNK

Để tối ưu hóa vai trò, tầm quan trọng của HĐNK cũng như nâng cao hiệu quả HĐNK nhằm hỗ trợ tích cực cho hoạt động dạy và học ngoại ngữ ở trường THCS và THPT, cần đa dạng hóa các loại hình hoạt động với nội dung phong phú, tạo môi trường, sân chơi mở cho học sinh thực hành tiếng, kích thích niềm đam mê và mở rộng vốn kiến thức hiểu biết, với phương châm “Học mà chơi, chơi mà học.” Đây cũng là tâm tư nguyện vọng của học sinh khi chúng tôi khảo sát về các loại hình hoạt động mà các học sinh thấy cần thiết cho việc học tiếng Anh. Số liệu thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4: Quan điểm của bạn về sự cần thiết của các HĐNK đối với việc học tiếng Anh của bạn

Hoạt động	Không cần thiết	Cần thiết
Câu lạc bộ tiếng Anh	8.03%	91.97%
Thi Olympic tiếng Anh	11.4%	88.6%
Gala hoặc Dạ hội tiếng Anh	14.54%	85.46%
Thi hùng biện tiếng Anh (Speaking Contest)	8.8%	91.2%
Diễn đàn về phương pháp học ngoại ngữ cho HS	10.86%	89.14%

Chương trình định hướng học tiếng Anh cho học sinh đầu năm học	21.74%	78.64%
Phong trào “Tuần sử dụng tiếng Anh” dịp lễ lớn	19%	81%
Giao lưu giữa HS trường với các cơ sở/trung tâm giảng dạy tiếng Anh	12.27%	87.73%
Giao lưu tiếng Anh giữa học sinh các trường THPT trên địa bàn	13.9%	86.1%
Hoạt động tham quan, dã ngoại (field trip)	5.21%	94.79%

Câu lạc bộ tiếng Anh

Cần áp dụng một số mô hình câu lạc bộ tiếng Anh như: Đêm văn hóa (Culture Night), Câu lạc bộ học thuật (Study Tips), Câu lạc bộ nói tiếng Anh (Speaking Club), Rung chuông vàng (Ring the Golden Bell), Vòng quanh thế giới (Around the World)... với nội dung và hình thức tổ chức đa dạng, phong phú, tạo môi trường thực hành tiếng tích cực, đồng thời trang bị vốn kiến thức nền cho học sinh.

- ***Gợi ý nội dung cho Đêm văn hóa*** (nên tổ chức vào dịp cuối năm (dịp Giáng sinh và Tết dương lịch)

Gồm 6 phần (thời lượng: 2 – 2.5 tiếng)

- Phần 1 (Màn chào hỏi của 3 đội: Có thể phân chia đội theo từng khối hoặc nhập thành viên của các khối thành 3 đội).

Yêu cầu: Giới thiệu về đội tuyển của mình dưới dạng kịch (bằng tiếng Anh) trong thời gian tối đa 5 phút.

Lưu ý: Màn chào hỏi của các đội yêu cầu có lồng ghép yếu tố văn hóa (lễ hội, phong tục, tập quán...) của một quốc gia hoặc giữa các quốc gia mà học sinh yêu thích.

Tiêu chí chấm điểm: (1) Độ hài hước, (2) nội dung về văn hóa, (3) khả năng diễn xuất, (4) trang phục, (5) khả năng ngôn ngữ (tiếng Anh).

* Đối với học sinh THCS, có thể modify các câu chuyện cổ tích (dựa vào tiêu chí trên); cần thiết có sự phân công giáo viên của Tổ bộ môn tham gia cố vấn cho từng đội thi.

- Phần 2: Gói câu hỏi trắc nghiệm (kiểm tra hiểu biết về văn hóa các nước).

Mỗi đội bốc thăm 1 gói câu hỏi trắc nghiệm gồm 10 câu hỏi. Các câu hỏi sẽ tập trung về chủ đề lễ hội, trang phục truyền thống, văn hóa chào hỏi, giao tiếp phi ngôn ngữ... Nếu đội bốc thăm câu hỏi đó trả lời không đúng thì câu hỏi đó sẽ dành cho khán giả. Điểm tối đa cho gói câu hỏi là 10 điểm (1 điểm/câu trả lời đúng).

Nội dung câu hỏi phần (trộn 30 câu hỏi thành 3 gói câu hỏi cho 3 đội bốc thăm).

1. What is name of the traditional festival in Japan related to “Sakura” flower?
 - A. New Year
 - B. Hanami**
 - C. Valentine
 - D. Hanabi
2. The “OK” gesture in Japan means:
 - A. Agree
 - B. Disagree
 - C. Ask for money**
 - D. Love you
3. When is White Valentine?
 - A. 14th February
 - B. 14th March**
 - C. 15th March
 - D. 5th December
4. “Belly Dance” is the traditional dance of:
 - A. China
 - B. Greek
 - C. India**

- D. Indonesia
5. “ Land of Sakura”, “ The country of Daisy”, and “ The land of rising sun” are the other names of:
- A. The Philippines
 - B. Japan**
 - C. Brunei
 - D. China
6. In this country, when people shake hand with children, it means they respect their parents. What country is it?
- A. India
 - B. Iran**
 - C. Viet Nam
 - D. England
7. In which country is it impolite when you refuse an invitation to sing Karaoke?
- A. Cambodian
 - B. Vietnamese
 - C. Japanese**
 - D. Chinese
8. Why do many Indian women have “Bindi” (a red small dot) on their forehead?
- A. to show that they are the rich
 - B. to attract men
 - C. to show that they got married**
 - D. to show that they are on the top of the most beautiful girls
9. In which country you should NOT give them a watch as a gift because they think a watch refers to death?
- A. Malaysia
 - B. Singapore**
 - C. Indonesia

- D. Myanmar
10. In which countries is the gift NOT opened in the presence of the giver?
- A. **China and Vietnam**
 - B. South Africa and Switzerland
 - C. Italy and America
 - D. England and America
11. What is the name of the traditional costume of Myanmar?
- A. Sampot
 - B. Sing
 - C. Kebaya
 - D. **Thummy**
12. “The country of thousands islands” is the other name of:
- A. Myanmar
 - B. Malaysia
 - C. **Indonesia**
 - D. The Philippines
13. In Japan, people give and receive gifts with
- A. both hands
 - B. one hand and a bow
 - C. one hand and a smile
 - D. **two hands and a bow**
14. “Thosan, Ca-ri, Tandoori, Naan” are the famous foods in
- A. Thailand
 - B. **India**
 - C. Indonesia
 - D. Brunei
15. What is the name of a famous art form in Japan?
- A. Hanabi
 - B. **Origami**

- C. Setsunbun
- D. Takayama

16. According to the Chinese, the lucky number is:

- A. 4
- B. 7
- C. 8**
- D. 9

17. In what country is the greeting ‘wai’ (accompanied by a slight bow, with the palms pressed together) used to welcome, thank, apologize, or say goodbye?

A. Thailand

- A. Cambodia
- B. China
- C. India

18. “He’s making a list and he’s checking it twice. He’s going to know who’s naughty and nice” is taken from which Christmas song?

A. Santa Claus is coming to town

- B. Jingle Bells
- C. Last Christmas
- D. We wish you a merry Christmas

19. Which physical gesture, commonly recognized in the western world as an affirmative, can be found vulgar and offensive in such places as Russia, the Middle East and even parts of Greece?

- A. A downward nod
- B. The “thumbs-up”**
- C. Clapping your hands
- D. An open smile

20. Shaking hands briefly in India is just a way of sayingif it happens between strangers or business associates.

- A. **“Hello”**
- B. “How are you?”
- C. “Where are you going?”
- D. “Good bye

21. Which country is this traditional from?

- A. Japan
- B. China
- C. **Korea**
- D. Vietnam



dress

22. Rice is the traditional main dish in

Next to rice comes kimchi. What is kimchi?

- A. Pieces of chicken with herbs
- B. A curried lamb dish
- C. A soup with seafood in it
- D. **A spicy vegetable dish**

23. Which country is this traditional from?

- A. **Japan**
- B. Korea
- C. Vietnam
- D. China



dress

24. Which of these martial arts is NOT

Japan?

- A. Aikido
- B. Karate
- C. Judo
- D. **Kung-fu**

25. Which country is this traditional dress



from?

- A. Thailand
- B. Laos
- C. Cambodia
- D. Philippines

26. Which country is this traditional dress

- A. Finland
- B. Russia**
- C. England
- D. Netherlands



from?

27. Which country is this traditional dress

- A. Thailand
- B. Laos**
- C. Cambodia
- D. Philippines



from?

28. Which country is this traditional dress from?

- A. Finland
- B. Russia
- C. England
- D. Netherlands**



29. What is the name of Chinese traditional costume?

- A. Sinh
- B. Kimono
- C. Hanbok
- D. Qipao**



30. What is the name of Indian traditional costume?

- A. Abaya
- B. Sari**



- C. Hanbok
- D. Chakkri

Lưu ý:

* Khi trình chiếu câu hỏi cho các đội lên PowerPoint BTC nên đưa các hình ảnh minh họa cho sinh động. Xen giữa các phần có thể đưa các tiết mục hát tập thể (Happy New Year, Merry Christmas, Ring Bell), khiêu vũ, vv.)

* Đối với học sinh THCS, có thể modify các câu hỏi trên dễ hơn hoặc áp dụng câu hỏi khác theo chủ đề tùy vào năng lực của học sinh trường, ví dụ:

1. Hoa anh đào in Vietnamese means.....in Japanese.
 - A. New Year
 - B. Sakura**
 - C. Valentine
 - D. Women's Day
2. The word "Karaoke" is originated from
 - A. England
 - B. The US
 - C. Japan**
 - D. Thailand
3. "Samba" is the traditional dance of
 - A. Australia
 - B. Argentina
 - C. Malaysia
 - D. Brazil**
4. "Belly Dance" is the traditional dance of:
 - A. China
 - B. Greek
 - C. India**
 - D. Indonesia

5. Number 4 means death in
- A. Viet Nam
 - B. China**
 - C. India
 - D. Laos
6. What country is famous for Sushi?
- A. Korea
 - B. Cambodia
 - C. China
 - D. Japan**
7. “Kim Chi” is the famous food of
- A. Korean**
 - B. Chinese
 - C. Indonesian
 - D. Japanese

...

- Phần 3: Trò chơi khán giả: Music wall và music chair (Nhảy theo giai điệu nhạc).

BTC bật nhạc mix, 10 người (1 lượt chơi) sẽ nhảy tùy thích phù hợp với điệu nhạc, kỹ thuật viên bất ngờ dừng nhạc, người chơi phải dừng nhảy, nếu phạm quy sẽ bị loại. 2-3 lượt chơi để tìm 6 người chiến thắng vào vòng 2 chơi music chair (Số ghế ít hơn 1 so với số người chơi: nhạc nhảy, dừng nhạc, người chơi tranh ghế ngồi. Cứ như vậy cho đến khi còn 2 người tranh 1 ghế để dành chiến thắng chung cuộc).

- Phần 4: Word finding (tìm từ)

Mỗi đội bốc thăm một chủ đề tìm từ (10 địa danh nổi tiếng, 10 nhân vật nổi tiếng, 10 lễ hội nổi tiếng). Mỗi đội có 3 phút để tìm và gạch những từ theo chủ đề trên. Sau 3 phút, từng đội lên trình bày hiểu biết của đội mình về lễ hội, địa danh, hoặc nhân vật nổi tiếng vừa tìm trong trong thời gian tối đa 5 phút. Điểm tối đa cho phần tìm từ là 5. Điểm tối đa cho phần thuyết trình là 5.

FAMOUS PEOPLE

V	H	I	N	S	H	A	K	E	S	P	E	A	R	E
O	G	H	R	K	C	U	B	J	K	U	L	U	B	C
N	A	M	C	A	O	S	I	K	E	D	Q	D	F	E
G	O	K	U	K	W	A	L	T	D	I	S	N	E	Y
U	A	S	L	I	R	U	L	X	O	I	N	E	M	U
Y	F	M	K	X	B	N	G	N	M	S	I	Y	K	H
E	K	E	G	C	Y	C	A	A	Q	I	S	U	J	P
N	E	N	B	N	A	D	T	M	L	A	E	G	K	N
G	I	N	W	U	N	M	E	K	U	U	O	N	D	A
I	Y	T	A	L	O	R	S	W	I	F	T	I	A	R
A	D	A	V	I	D	B	E	C	K	H	A	M	L	T
P	M	I	C	H	A	E	L	J	A	C	K	S	O	N

<ol style="list-style-type: none"> 1. Bill Gates 2. Walt Disney 3. Michael Jackson 4. Shakespeare 5. Taylor Swift 	<ol style="list-style-type: none"> 6. Tran Phu 7. Nam Cao 8. Nguyen Du 9. Vo Nguyen Giap 10. David Beckham
--	---

FAMOUS PLACES

W	T	S	G	R	E	A	T	W	A	L	L	H	Z	V
H	M	W	I	G	I	H	H	M	H	A	W	A	I	I
I	K	O	M	I	K	E	O	W	H	V	I	O	X	Z
T	S	W	L	F	H	A	L	O	N	G	B	A	Y	L
E	I	Y	O	D	L	N	L	U	N	S	E	O	U	L
H	J	V	D	I	F	G	Y	U	I	N	I	G	I	D
O	R	A	U	N	R	F	W	E	A	D	J	M	U	E
U	T	Y	N	K	E	T	O	U	P	E	I	L	H	K
S	J	F	N	E	W	Y	O	R	K	M	N	O	L	R
E	I	L	F	K	T	K	D	V	F	H	G	U	L	Z
W	B	E	R	L	I	N	C	N	J	S	K	L	O	P
R	T	Y	S	H	A	N	G	H	A	I	O	L	Z	X
1. Great Wall							2. Ha Long Bay							
3. Shanghai							4. Sydney							
5. New York							6. Hollywood							
7. Beijing							8. White House							
9. Seoul							10. Berlin							

POPULAR HOLIDAYS AND FESTIVALS

S	H	A	K	E	S	P	V	A	R	E	F	H	T	T
G	H	N	E	W	Y	E	A	R	U	L	R	B	E	H
Y	C	L	C	T	I	L	E	D	Q	O	F	A	A	
S	K	U	H	E	M	L	E	J	G	I	F	L	C	N
A	Z	L	R	R	U	L	N	O	I	N	L	E	H	K
A	K	A	I	C	N	G	T	Y	E	O	D	U	E	S
K	N	B	S	T	E	A	I	Q	W	S	O	J	R	G
S	N	O	T	A	D	U	N	E	A	E	Y	E	R	I
I	M	R	M	N	M	E	E	P	U	O	P	I	Q	V
R	V	B	A	M	I	N	Y	I	L	P	I	R	K	I
A	D	H	S	A	R	M	I	D	A	U	T	U	M	N
I	N	D	E	P	E	N	D	E	N	C	E	T	E	G
1. New Year							6. Halloween							
2. Valentine							7. Veterans							
3. Labor Day							8. Teacher's Day							
4. Mid-Autumn							9. Thanksgiving							
5. Independence Day							10. Christmas							

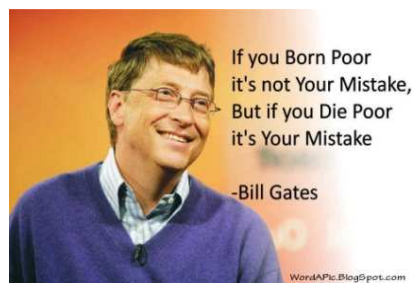
(Note: for some holidays, the word "DAY" is not necessary in word finding box)

Thông tin đánh giá phần thuyết trình:

Trình chiếu ảnh và thông tin sau trong quá trình đội thuyết trình, đội thuyết trình đứng quay lưng lại màn chiếu.

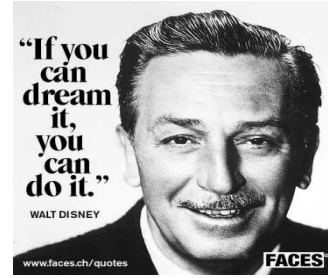
Famous people:

1. Bill Gates (1955)
 - Founder of Microsoft.
 - One of the world's richest people.



2. Walt Disney (1901-1966)

- Cartoonist and movie producer in USA.



3. Michael Jackson (1958-2009)

- American Singer and dancer.
- The King of Pop Music.
- Famous songs: Heal the World, You are not alone, Dangerous...



4. William Shakespeare (1564-1616)

- One of the world's greatest writers.
- Famous for writing plays, especially Romeo and Juliet.



5. Taylor Swift (1989)

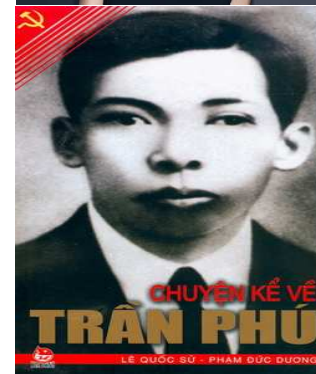
- A young singer in the US.
- Known as the queen of country music.
- Famous songs: Love story, Back to

December, Red....



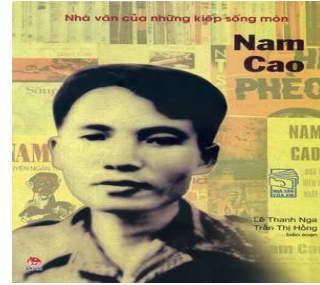
6. Trần Phú (1904-1931)

- The first General Secretary of the Indochinese Communist Party.



7. Nam Cao (1917-1951)

- The famous writer of Vietnam.
- Famous for some literary works: Chi Pheo, Lao Hac, Doi Mat.....



8. Nguyễn Du (1766-1820)

- A famous poet of Viet Nam.
- Well-known for Truyen Kieu (The tale of Kieu)



9. Võ Nguyên Giáp (1911-2013)

- A general in the Vietnam People's Army.
- A politician, historian



10. David Beckham (1975)

- A former professional football player of England.



Famous places:

1. Great Wall (China)

- Recognized to be the World Cultural Heritage by UNESCO in 1987.



2. Ha Long Bay (Viet Nam)

- Recognized to be the World Heritage by UNESCO three times.



3. Hollywood

- A film capital/center in Los Angeles, California, the US.



4. New York

- One of the world's most populous cities.
- Well-known for the Liberty Statue.



5. Sydney

- The biggest city of Australia.
- Famous for double architecture: Sydney Opera House and Harbour Bridge.



6. Seoul

- The capital of Korea.



- Located by Han River in the Northwest of Korea.
- Economic, cultural, political center of the country.

7. The White House

- The official residence and workplace of the US president.



8. Berlin

- The capital of Germany and the largest city of the country.
- The important political, cultural, scientific center of the EU.
- Well-known for Berlin Wall.



9. Hawaii

- The 50th state of the United States.
- The only state of the US surrounded by water/ sea.



10. Shanghai

- The most populous city of China.



- The economic center of the country.

Popular Holidays and Festivals:

1. New Year (January 1st)
2. Valentine's Day (February 14th)
3. Labor Day (May 1st)
4. Mid-Autumn Festival (e.g., Vietnam: August 15th)
5. Independence Day (e.g., Vietnam: September 2nd)
6. Halloween (October 31st)
7. Veterans' Day (e.g., the US: November 11th)
8. Teacher's Day (e.g., Vietnam: November 20th)
9. Thanksgiving (e.g, the US: Fourth Thursday of November)
10. Christmas (December 25th)

* Đối với học sinh THCS, ngoài các chủ đề trên có thể áp dụng các chủ đề như âm nhạc, trò chơi nổi tiếng, truyện tranh nổi tiếng, vv; cần thiết có sự tham gia của Ban tổ chức HĐNK lấy học sinh làm lực lượng nòng cốt để tham vấn chủ đề cho phù hợp.

- Phần 5: Nói

Mỗi đội sẽ bốc thăm chủ đề nói về 1 trong 3 lễ hội nổi tiếng (New Year, Christmas và Halloween), trình bày bài nói trong thời gian tối đa 5 phút (có thể sử dụng các thành viên đội hoặc trong nhóm minh họa dưới dạng kịch). Điểm tối đa phần thi Nói là 10.

Tiêu chí chấm điểm: (1) Trình bày được nội dung lễ hội, (2) Giọng điệu, sắc thái biểu cảm, độ tin tin, (3) độ trôi chảy và rõ ràng mạch lạc, (4) khả năng ngôn ngữ (phát âm, từ vựng, cấu trúc).

* Đối với học sinh THCS, Tổ bộ môn và Ban tổ chức cho các đội bốc thăm chủ đề nói trước khi tổ chức hoạt động; cần phát tài liệu hoặc giới thiệu các kênh thông tin trước để các em tham khảo; cố vấn học sinh về nội dung, cách thức trình bày.

- Phần 6: Tương tác hội thoại cho tất cả cả khán giả (15 phút)

Có 3-5 câu hỏi về chủ đề văn hóa, giáo dục cho toàn bộ khán giả. Khán giả tương tác hội thoại trao đổi thông tin, hiểu biết với nhiều khán giả khác nhất sẽ dành phần thắng.

Tiêu chí: Người dành chiến thắng trình bày trong khoảng thời gian tối đa 3 phút về số lượng người vừa tương tác hội thoại, họ là ai, thông tin, hiểu biết của họ về chủ đề trao đổi là gì.

Nội dung câu hỏi giao lưu:

1. What are you doing in the New Year?
2. What do you like most about New Year?
3. What culture in the world do you like most? Why?
4. If you have a chance to introduce Vietnamese culture to a foreigner, what will you talk about?

* Đối với học sinh THCS, có thể modify các câu hỏi trên dễ hơn hoặc áp dụng câu hỏi khác theo tùy vào năng lực của học sinh trường, ví dụ:

1. What do you want to do most in the New Year?
2. Which country do you like most? Why?
3. What do you like most about Vietnam?

• ***Gợi ý chương trình Câu lạc bộ học thuật***

Những hoạt động có thể áp dụng trong từng buổi sinh hoạt của CLB (mỗi buổi 1 hoạt động) đối với cả học sinh THCS và THPT:

Từ vựng:

Chia sẻ thảo luận tips học từ vựng

Chơi trò chơi liên quan đến các tips học đó

Phát âm:

Học các âm tiết (2 âm tiết/buổi)

Nhận biết các âm tiết trong từ

Học cách nhấn trọng âm

Xem video hướng dẫn phát âm chuẩn

Luyện kỹ năng nói:

Chia sẻ, thảo luận tips luyện kỹ năng nói

Luyện nói bằng đoạn hội thoại ngắn

Xem video

Tương tác hội thoại

Ngữ điệu khi nói

Hát các bài hát đơn giản

Luyện kỹ năng Nghe:

Chia sẻ, thảo luận tips luyện kỹ năng nghe

Nghe đoạn hội thoại ngắn và tóm tắt nội dung

Nghe bài hát và điền từ

Luyện ngữ pháp

Học ngữ pháp qua các video clips, học qua bài hát

Một số trò chơi có thể áp dụng xen trong chương trình CLB :

HOT POTATOES:

Ban kĩ thuật sẽ mở 1 bài hát bất kì liên quan đến chủ đề của từng tháng. Sẽ có 1 vật tròn được phát cho 1 bạn đầu tiên. Mỗi người chỉ được giữ vật đó trong 5 giây, sau 5 giây phải chuyển cho người khác. Khi nhạc dừng lại thì người giữ vật tròn đó sẽ đứng dậy tự giới thiệu về bản thân, nêu tên bài hát vừa được phát. Nếu không trả lời được thì sẽ có 1 hình thức phạt nhẹ (vui), ví dụ : nhảy, múa theo nhạc, vv.

“UP – DOWN – RIGHT – LEFT” GAME

Mục đích: Luyện khả năng nghe về trạng từ chỉ nơi chốn.

Cách chơi: Người quản trò (NQT) phổ biến trò chơi gồm 4 động tác: Chỉ tay lên trời (UP), chỉ tay xuống đất (DOWN), chỉ tay sang phải (RIGHT), sang trái (LEFT) và yêu cầu học sinh làm theo lời hướng dẫn mà không làm theo hướng tay chỉ của NQT. Lần đầu NQT vừa làm đúng như vậy vừa hô để tạo cho học sinh làm quen với định

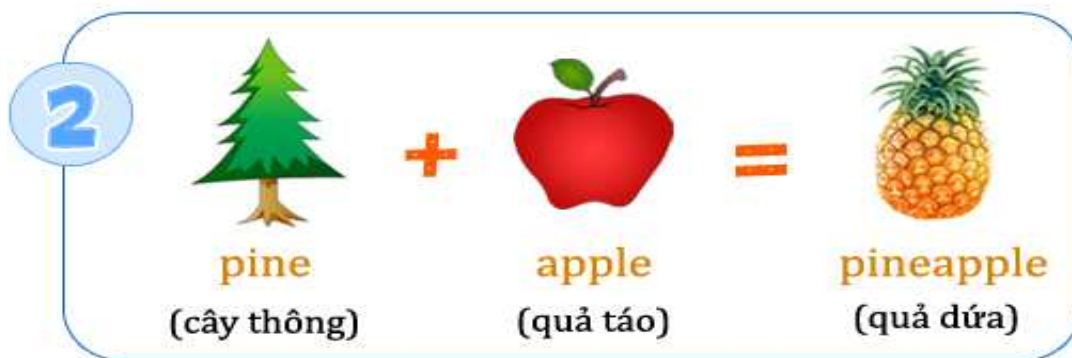
hướng và từ vựng. Sau đó NQT bắt đầu hô một đường nhưng chỉ một nẻo. Ví dụ như hô “Right” nhưng tay lại chỉ lên trời. Học sinh vừa hô “Right” theo vừa nhìn giáo viên nhưng không làm theo hướng chỉ tay lên trời như NQT mà phải chỉ tay qua bên phải. Nếu học sinh nào không hô hoặc tay chỉ khác hướng phải thì bị bắt phạt (nhảy, múa theo điệu nhạc).

CHƠI CROSSWORD LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ ĐỀ CLB

- Chia người tham gia thành 4-6 nhóm (tùy theo số lượng thành viên)
- BTC phát cho mỗi đội 1 bảng crossword đã in sẵn, có kèm gợi ý
- Mỗi đội sẽ thảo luận và hoàn thành trong vòng 15 phút.
- Sau 15 phút, BTC sẽ chiếu slide có bảng crossword và lần lượt hoàn thành bảng.
- Thông qua bảng crossword, các đội đoán keyword của bảng. Keyword là từ khóa có nội dung liên quan mật thiết đến chủ đề.

ĐUÔI HÌNH BẮT CHỮ

BTC sẽ đưa ra các bức ảnh/tranh, người chơi sẽ đoán các cụm từ hoặc thành ngữ tiếng Anh mà bức ảnh hướng đến. Ví dụ:



GIẢI MÃ BỨC TRANH

- Chia thành 4-6 đội
- BTC đưa ra 1 bức tranh được chia làm 5 phần: 4 góc tương đương với 4 từ hàng ngang và 1 ô ở giữa. Các đội mở lần lượt từng ô bằng cách trả lời câu hỏi, nếu trả lời đúng thì sẽ mở được ô, nếu trả lời sai thì ô gợi ý sẽ bị khóa. Ô ở giữa cũng là một câu hỏi. Mở được ô này sẽ mở được phần quan trọng nhất của bức tranh.

“PRESENT – PAST – PAST PARTICIPLE” GAME

Mục đích: Luyện khả năng nhớ các động từ Tiếng Anh

Cách chơi: Quản trò xếp các bạn thành hàng ngang rồi hướng dẫn cách chơi. Bạn đầu tiên sẽ đọc lên một động từ Tiếng Anh ở thì hiện tại với điều kiện là động từ đó phải có quá khứ phân từ. Bạn thứ 2 cạnh bên sẽ đọc động từ đó ở thì quá khứ, bạn thứ 3 sẽ đọc động từ đó ở thì quá khứ phân từ. Tiếp tục với các bạn tiếp theo. Nếu học sinh nào đọc sai hoặc đọc động từ mà không có quá khứ phân từ sẽ bị bắt phạt.

“START WITH THE TAGS” GAME

Mục đích: Luyện kỹ năng viết từ vựng Tiếng Anh

Cách chơi: Chia 8 đội, mỗi đội cử ra một người nhanh nhạy cũng như khả năng viết tốt. 8 bạn đại diện 8 đội sẽ bốc thăm chia cặp thi đấu trực tiếp. Mỗi đợt thi đấu 2 người loại 1 để cuối cùng chọn ra bạn đại diện xuất sắc nhất. Quản trò xếp 2 bạn quay mặt lên bảng. Mỗi người mỗi viên phấn để viết chữ lên bảng. Quản trò đọc động từ đầu tiên, bạn A viết động từ đó lên bảng, bạn B đứng đằng sau bạn A. Chờ khi bạn A viết xong, bạn B phải tiếp tục ghi động từ tiếp theo được bắt đầu bằng từ cuối của động từ đó. Cứ thế tiếp tục cho đến khi một trong hai thí sinh không thể tiếp tục ghi động từ nào nữa thì thua cuộc. Cuộc chơi sẽ kết thúc khi một trong hai thí sinh không thể tìm ra động từ tiếp theo. Cứ tiếp tục chơi loại trực tiếp cho đến khi chọn ra được người chơi giỏi nhất.

- ***Gợi ý chương trình Câu lạc bộ nói tiếng Anh***

Mục đích: Tạo môi trường thực hành tiếng tích cực để thể hiện những hiểu biết, ý kiến quan điểm của mình về một chủ đề học sinh quan tâm, nâng cao khả năng tư duy sáng tạo, giải quyết vấn đề. Các chủ đề tham khảo:

Kế hoạch tương lai của bạn (áp dụng cho cả HS THCS và THPT)

- BTC phát hand-out để học sinh tương tác (15 phút).

Name.....

Class.....

Family

Hobbies

Talents/ability (I can....).....

Lưu ý: demo mẫu hội thoại và hướng dẫn cụ thể trước khi học sinh tương tác hội thoại: Đi lại trao đổi thông tin với bạn khác lớp.

Demo mẫu hội thoại:

Học sinh A: Hello, my name's Nam. What's your name?

Học sinh B: I am Linh.

A: Nice to meet you, Linh. What class are you from?

B: I am from class 11A2. What about you?

A: I come from class 10B. What do you like doing in your free time, Linh?

B: I like listening to music, reading, and chatting with my friends. How about you?

....Cứ như vậy cho đến khi các thành viên tham gia tương tác với số lượng nhất định (tùy vào khả năng ngôn ngữ).

- Chia người tham gia thành các nhóm nhỏ (3-4 người trong 1 nhóm), yêu cầu thành viên từng nhóm report số lượng người mình vừa trao đổi thông tin, report lại các thông tin trên với cả nhóm.

- Chơi trò chơi HOT POTATOES:

Ban kĩ thuật sẽ mở 1 bài hát bất kì liên quan đến chủ đề của từng tháng. Sẽ có 1 vật tròn được phát cho 1 bạn đầu tiên. Mỗi người chỉ được giữ vật đó trong 5 giây, sau 5 giây phải chuyển cho người khác. Khi nhạc dừng lại thì người giữ vật tròn đó sẽ đứng dậy tự giới thiệu ngắn gọn về bản thân (tập trung các thông tin trên) trong thời gian tối đa 30 giây. Nếu không giới thiệu hết những thông tin trên về bản thân trong 30 giây thì sẽ có 1 hình thức phạt nhẹ (vui), ví dụ : nhảy, múa theo nhạc, vv.

- Câu hỏi thảo luận chung

Chia thành viên tham gia thành các nhóm (3-4 người/nhóm) thảo luận, trao đổi các thông tin sau :

+ What are you going to do to improve your English ?

+ What do you plan to do most this year/next year ? Why ?

+ In what university do you want to study most in the future ? Why ?/At what high school do you want to learn most in the future ? Why ?

+ Do you have any other plans for next year ?

- Đại diện 2-3 nhóm lên thuyết trình về thông tin nhóm mình, các nhóm khác có thể đặt câu hỏi cho nhóm đó trả lời.

- Văn nghệ hoặc một trong số những trò chơi khác đã đề cập trên.

- Trao đổi theo cặp về kế hoạch, hoài bão tương lai

How ambitious are you?

1. How old do you think is the most appropriate time to to start a career?

A. 18-22

B. 23-26.

C. 27-30

D. over 30.

2. What kind of job do you want to do in the future? Why?

A. Teacher B. Singer/dancer C. Business man/woman D. other

3. In ten years' time, do you hope to

A. have enough money to study abroad for further education?

B. have quite a lot of money?

C. have a lot of money?

4. Where would you prefer to study? Why?

A. In Vietnam

B. In a foreign country

C. No idea

5. Which of the following is the most important to you?

A. Love

B. Happiness

C. Money

D. Health.

- Hát chung một bài hát tiếng Anh hoặc áp dụng một vài trò chơi khác đã đề cập ở trên.

* Tương tự như kết cấu chương trình trên, các câu lạc bộ có thể áp dụng các chủ đề quen thuộc với học sinh như: *Môi trường, Văn hóa, Việt Nam đất nước con người, Giáo dục học đường, Christmas and New Year, Vietnamese Food, Du lịch, vv.*

* BTC cần hướng dẫn chi tiết cụ thể nội dung (kể cả câu hỏi thảo luận) chương trình trước khi học sinh tham gia CLB để có sự chuẩn bị cần thiết, đảm bảo thành công cho hoạt động.

- **Gợi ý chương trình Rung chuông vàng**

- Chọn ra 80 thí sinh xuất sắc nhất từ các khối tham dự. Yêu cầu thành viên tham dự chương trình sử dụng hoàn toàn toàn bằng tiếng Anh.

- 80 thí sinh sẽ ngồi trên sàn thi đấu theo các vị trí được đánh số từ 1 đến 80. Đây là số thứ tự trên danh sách thi và cũng là số báo danh của thí sinh.

- Trang phục dự thi là áo Thanh niên Việt Nam hoặc trang phục học đường.

- Mỗi thí sinh được phát bảng bút và khăn/giấy lau từ BTC. Các thí sinh trả lời lần lượt các câu hỏi vào bảng trong thời gian 10 giây sau khi MC đọc xong câu hỏi. Sau đó, thí sinh đồng loạt giơ câu trả lời và MC sẽ đọc đáp án cho câu hỏi và cung cấp thêm thông tin liên quan đến câu hỏi.

- Thí sinh nào trả lời sai hoặc trả lời sau 10 giây phải tự động rời khỏi sàn thi đấu. Những người còn lại sẽ tiếp tục trả lời các câu hỏi tiếp theo. Thí sinh còn lại cuối cùng là người xuất sắc nhất. Người nào trả lời đúng câu hỏi cuối cùng (câu 20) là người chiến thắng, được rung Chuông vàng.

- Nếu có hơn 1 thí sinh trả lời được câu hỏi 20 hoặc chưa đến câu 20 nhưng các thí sinh bị loại hết thì các thí sinh sẽ tham gia một phần thi phụ để chọn ra người có danh hiệu xuất sắc nhất cuộc thi.

- Trong chương trình, các thí sinh sẽ được hưởng quyền trợ giúp một lần duy nhất từ phía các cổ động viên (hoặc cán bộ, giáo viên trường) vào thời điểm sau câu số 10. Đội cổ động viên cứu trợ gồm 10 người sẽ tham gia 1 trò chơi vận động. Số sinh viên được quay trở lại sàn thi đấu phụ thuộc vào kết quả của đội cứu trợ trong trò chơi này. Các thí sinh được quay trở lại sàn thi đấu dựa trên mức độ ưu tiên về số câu hỏi đã trả lời được trước đó.

- Thí sinh còn lại duy nhất được hưởng một lần trợ giúp. Nếu thí sinh cảm thấy không trả lời được câu hỏi do chương trình đưa ra thì có thể giơ “phao cứu trợ” để xin trợ giúp từ phía thầy cô, những bạn cùng chơi và khán giả.

- Thí sinh có thể tham khảo ý kiến từ 3 khán giả tư vấn tại chỗ. Quyền lựa chọn khán giả thuộc về thí sinh đó.

- Người trả lời câu 20 sẽ được quyền lựa chọn 1 trong 4 lĩnh vực mà chương trình đưa ra. Nếu trả lời được sẽ chiến thắng cuộc thi.

Phân chia nội dung câu hỏi

- Số lượng câu hỏi trong chương trình là 20 câu hỏi và được chia làm hai vòng: Chặng 1 (10 câu) và chặng 2 (10 câu).

- Các thí sinh tham gia phải trả lời nhanh 20 câu hỏi trong thời gian 20 giây mỗi câu. Số lượng câu hỏi được phân chia như sau:

Nội dung câu hỏi	Số lượng
Khởi động (Kiến thức về lịch sử trường, địa phương)	8 câu
Khoa học tự nhiên	2 câu
Kiến thức chung	5 câu
Khoa học xã hội (Địa lý, Lịch sử, Văn học)	2 câu
Việt Nam – Đất nước tôi	2 câu
Câu hỏi tự chọn cuối cùng thuộc 1 trong 4 lĩnh vực sau: Kiến thức chung, khoa học xã hội, âm nhạc, thể dục thể thao	1 câu

* Tổ bộ môn tham vấn các tổ bộ môn khác trong trường để có câu hỏi phù hợp theo sự phân chia trên. Xen kẽ chương trình là các tiết mục văn nghệ và/hoặc hoàn toàn có thể áp dụng các trò chơi cho khán giả như đã đề cập ở phần các loại hình Câu lạc bộ.

- **Lễ hội/Gala/Dạ vũ (sử dụng tiếng Anh)**

Yêu cầu: Tất cả học sinh tham gia sử dụng tiếng Anh (Order đồ uống, trò chuyện, tham gia trò chơi...)

Địa điểm: Chương trình Lễ hội và Dạ vũ yêu cầu một không gian khá rộng để có khoảng trống thoải mái cho nhiều người tham dự. Do vậy, nên tổ chức ở sân trường hoặc nhà đa năng.

Các công tác chuẩn bị

- Phân chia các lớp phụ trách các gian hàng theo hình thức và quy mô nhất định.
- Chuẩn bị các phần quà cho các trò chơi cũng như các gian hàng
- Thông báo - Tuyên truyền - Quảng bá – Vận động tài trợ (nếu cần)
- Trang thiết bị: Loa máy, sân khấu.

Nội dung:

a. Buổi sáng

- Chuẩn bị sân bãi, các lớp chuẩn bị các gian hàng, bài trí trang trí...
- Ban tổ chức chuẩn bị sân khấu, trang thiết bị cần thiết.

b. Buổi chiều

- Các gian hàng tổ chức bán các sản phẩm đơn giản như đồ handmade, quà lưu niệm, đồ ăn - uống đơn giản với giá cả phù hợp.

- Tổ chức các gian hàng trò chơi và các phần thưởng hấp dẫn như thú bông nhỏ, đồ ăn. Các gian hàng do học sinh các lớp tự chuẩn bị.

* Các đồ handmade đơn giản có thể làm như mô hình giấy đơn giản, thú bông nhỏ (giá từ 5-10k), các món quà nhỏ như móc dán treo tường, bút....

* Các mặt hàng đồ ăn, uống như: Nước ngọt, Bắp chiên... (BTC có thể liên hệ với các công ty tổ chức sự kiện để tổ chức các gian hàng này).

Trong quá trình diễn ra hoạt động trên, BTC tổ chức các trò chơi xung quanh địa điểm diễn ra lễ hội như:

- Tìm báu vật: Cho đá lạnh vào 2 thùng bằng nhau. Cho một vật tròn nhỏ vào đáy chậu. 2 người chơi sẽ dùng tay trần để tìm vật đó. Ai tìm ra trước sẽ là người chiến thắng. Phần thưởng nhỏ do BTC tự chuẩn bị.

- Cắn táo: 2 quả táo sẽ được treo lên, người chơi sẽ tham gia theo cặp. 2 cặp sẽ cố gắng ăn 2 quả táo đó trong 1 phút mà không được dùng tay. Cặp nào ăn được nhiều nhất là thắng cuộc.

- Ném bóng: Thiết kế 1 rổ nhỏ tương tự rổ chơi bóng rổ. Người chơi tham gia sẽ cố gắng ném bóng nhựa vào trong rổ đó. Nếu thành công 3/5 lần sẽ được phần thưởng.

- Gấp táo: BTC sẽ chuẩn bị 2 chậu nước đá cho sẵn táo nhỏ ở trong. 2 người chơi trong vòng 30 giây bằng cách dùng miệng gấp ra được nhiều táo nhất có thể, ai gấp được nhiều hơn sẽ là người chiến thắng.

- Trưng bày các tựa sách, truyện bằng Tiếng Anh cho các bạn yêu sách.

Tổ chức các trò chơi bằng tiếng Anh trên sân khấu chính:

- Hát Tiếng Anh: BTC sẽ bật các bài hát tiếng Anh, khán giả sẽ đoán tên bài hát và thể hiện thành công bài hát đó sẽ nhận được quà.

- Đập bóng: Mời lên sân khấu ngẫu nhiên 4-5 cặp nam và nữ. BTC chuẩn bị sẵn bóng bay trên sân khấu. Trong thời gian 2 phút, không dùng tay chân, đội nào đập vỡ nhiều bóng nhất là cặp thắng cuộc.

- Chuyển bóng: Mời lên sân khấu ngẫu nhiên 4-5 cặp nam và nữ (8-10 người, chia làm 2 đội). Mỗi cặp sẽ được phát 2 cái thìa cùng bóng bàn. Bạn nam có nhiệm vụ ngậm thìa giữ bóng bàn, đưa từ bên này qua bên kia sân khấu, chuyển bóng qua thìa bạn nữ đang ngậm mà không dùng tay. Bạn nữ có nhiệm vụ bỏ bóng vào rổ. Đội nào chuyển được nhiều bóng nhất là đội thắng cuộc.

- Tranh ghế: Chọn ra 8 người chơi lên sân khấu. Trên sân khấu chuẩn bị 7 ghế xếp thành hình tròn. BTC bật nhạc và 8 người chơi sẽ đi vòng quanh 7 chiếc ghế đó. Nhạc sẽ dừng lại đột ngột và 8 người sẽ phải tìm được ghế cho mình. Người không dành được ghế ngồi sẽ phải rời sân khấu. Tương ứng với mỗi người bị loại, một chiếc ghế sẽ bị cất đi. Tương tự như vậy cho đến người cuối cùng.

c. Buổi tối: Dạ vũ

- Thi thời trang

Mỗi lớp sẽ cử ra 1 cặp nam-nữ tham gia trình diễn thời trang.

Trang phục biểu diễn thời trang do các lớp tự chuẩn bị. BTC sẽ chấm điểm và trao giải King & Queen vào cuối chương trình.

* Có thể áp dụng thi thời trang vui mang ý nghĩa tuyên truyền. Ví dụ về chủ đề môi trường: Mỗi lớp sẽ cử 1 cặp nam-nữ trình diễn thời trang làm bằng các chất liệu như bao mì tôm, bao bì, bao xi măng, vv. Kèm theo phần trình diễn thời trang là phần giới thiệu bằng tiếng Anh về ý nghĩa của bộ thời trang đó. BTC sẽ chấm điểm cả phần trình diễn thời trang và phần thuyết trình để trao giải King & Queen vào cuối chương trình.

- Thi tài năng

Các cặp đôi tham dự sẽ thể hiện tài năng của mình trên sân khấu. Các hình thức tham khảo: Hát tiếng Anh, múa, khiêu vũ, diễn kịch bằng tiếng Anh, diễn giả tiếng Anh, vv.

- Let's dance together (dành cho toàn bộ người tham dự Dạ vũ).

BTC sẽ có 5 cặp đôi khiêu vũ mẫu trên sân khấu cho mọi người học. Mỗi người sẽ tự chọn cặp đôi cho riêng mình để cùng nhảy.

* Tất cả các nội dung hoạt động trên nếu không thể tổ chức từ buổi chiều, có thể gom lại tổ chức trong 1 tối. Các phần thi diễn ra trên sân khấu, trong khi các gian hàng sẽ hoạt động song song với chương trình trên sân khấu nhằm thu hút nhiều học sinh tham gia.

* Xen giữa các chương trình hoàn toàn có thể áp dụng một số trò chơi ở nội dung các Câu lạc bộ đã đề cập trên cho tất cả học sinh tham gia.

- ***Gợi ý chương trình giao lưu giữa học sinh các trường THCS, THPT (thường là 2 trường)***

Hoạt động giao lưu nên tổ chức vào cuối tuần. Tùy thuộc vào điều kiện của học sinh và của trường để tổ chức 1 hoặc 2 buổi trong ngày. Đối với học sinh THCS, nên tổ chức 1 buổi.

Yêu cầu: Sử dụng tiếng Anh (trò chuyện, giao lưu, tham gia trò chơi)

Nội dung

Buổi sáng (Chủ Nhật): 2 tiếng

Tổ chức các hoạt động ngoài trời, trò chơi giữa các trường như: Bóng chuyền, bóng đá, kéo co, bịt mắt bắt dê....

Buổi chiều:

- Giao lưu văn nghệ

Giao lưu hát các bài hát tiếng Anh, múa, nhảy...giữa các trường

- Câu hỏi kiến thức nền

Có 20 câu hỏi (10 câu hỏi kiến thức nền và 10 câu hỏi đố vui) được chia làm 4 gói câu hỏi (5 câu/gói câu hỏi). Chia 2 trường thành 4 đội (nên ghép học sinh trường A với học sinh trường B thành một đội). Mỗi đội bốc thăm 1 gói câu hỏi, có 10 giây suy nghĩ trước khi đưa ra câu trả lời cho mỗi câu hỏi, mỗi câu trả lời đúng được 10 điểm. Nói đội bốc thăm gói câu hỏi đó trả lời sai, quyền trả lời dành cho đội bạn.

10 câu hỏi kiến thức nền có thể tham khảo:

1. North Pole & South Pole, where is colder? (**South Pole**)
2. How many planets does the Solar system have? (**8**)
3. What was the King of Ancient Egypt called? (**Pharaoh**)
4. What is population of Viet Nam? (**More than 90 million**)
5. What is the Symbol of 22nd Seagames? (**Golden Buffalo**)
6. When is the White Valentine? (**March 14th**)
7. How many provinces are there in Vietnam? (**63**)
8. How many letters are there in English alphabet? (**26**)
9. What does ASEAN stand for? (**The Association of Southeast Asian Nations**)
10. What is “Ai là triệu phú” in English? (**Who wants to be Millionaire?**)

Tham khảo 10 câu hỏi đố vui:

1. What key does not lock the door? (**A music key**)
2. Where does June come before May? (**In a dictionary**)
3. What is the best place to put the cake in? (**In the mouth**)
4. Which can you keep after giving it to your friend? (**The promise**)
5. When I eat, I live but when I drink, I die. What am I? (**Fire**)

6. What belongs only to you, and yet is used more by others than by yourself?

(Your name)

7. What goes up when the rain comes down? **(An umbrella)**

8. What goes up but never comes down? **(Age)**

9. Where does “today” come before “yesterday”? **(In a dictionary)**

10. Who goes by taxi but does not have to pay money? **(A taxi driver)**

* Những câu hỏi kiến thức nền trên tương đối dễ nên có thể áp dụng cho cả học sinh THCS. Đối với học sinh THPT có thể sử dụng một số câu hỏi kiến thức nền trên hoặc lấy các câu hỏi ở các phần Câu lạc bộ đã đề cập trên cho phù hợp.

- Trò chơi âm nhạc:

+ Nghe nhạc đoán tên

BTC sẽ mở lần lượt một đoạn bất kỳ trong mỗi bài hát Tiếng Anh (khoảng 2-3 câu). Sau đó, mỗi đội chơi có 10 giây suy nghĩ và ra hiệu trả lời tên của bài hát. Đội nào ra hiệu trước thì giành quyền trả lời trước. Nếu trả lời đúng sẽ được 10 điểm. Sai thì đội chơi còn lại sẽ có cơ hội trả lời.

+ Nghe nhạc điền từ

BTC sẽ mở lần lượt giai điệu và lời của một vài câu trong một bài hát Tiếng Anh. Trong đó có một số từ bỏ trống (10 khoảng trống). Các đội tìm từ điền vào chỗ trống sau khi nghe. Mỗi từ đúng được 1 điểm.

+ Nhảy theo giai điệu nhạc

Mỗi đội sẽ cử ra 3 đại diện để tham gia phần thi này. Luật chơi ở phần này là người chơi nghe giai điệu nhạc và nhảy theo giai điệu sao cho phù hợp. Nhạc nhanh thì nhảy nhanh, nhạc chậm thì nhảy chậm lại. Khi nhạc dừng thì buộc người chơi cũng phải dừng ngay lập tức. Nếu vẫn còn nhảy, tức là không ghi được điểm. Điểm tối đa cho phần thi là 10.

- Word finding (tìm từ): Nội dung như phần tìm từ của Đêm văn hóa (tham khảo phía trên).

- Tương tác hội thoại trao đổi thông tin, làm quen

BTC trình chiếu hoặc phát hand-out các câu hỏi, yêu cầu học sinh hai trường đứng dậy và sang trường bạn, sử dụng các câu hỏi đó để hỏi và làm quen (thường là những câu hỏi đơn giản để học sinh làm quen, kết bạn)

Name: What's your name?

Which subject(s) do you like most?

What are your hobbies?

What's your favorite singer?

What's your favorite food?

What do think about my school?

* Sau phần này có thể áp dụng trò chơi HOT POTATOES

* Nếu học sinh 2 trường đồng, áp dụng các trò chơi dành cho khán giả ở phần Câu lạc bộ đã đề cập trên.

* Có thể kết hợp chương trình giao lưu trong 1 buổi chiều: 14h00-16h00: Tổ chức chương trình giao lưu tiếng Anh. Từ 16h00 tổ chức các trò chơi giao lưu như thể thao, kéo co, bịt mắt bắt dê...

- ***Diễn đàn định hướng học tập***

Diễn đàn định hướng học tập cần được tổ chức đầu năm. Diễn đàn là một kênh thực hành tiếng tích cực cũng như định hướng cách học hiệu quả qua sự chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm học thuật từ phía thầy cô giáo Tổ bộ môn, các chuyên gia ngôn ngữ, cũng như các học sinh khóa trước có kinh nghiệm. Do vậy nó có ý nghĩa rất quan trọng đối với học sinh, đặc biệt là học sinh lớp 6 ở bậc học THCS và học sinh lớp 10 ở bậc học THPT.

Nội dung

01 báo cáo về kinh nghiệm học nghe nói

01 báo cáo về kinh nghiệm học từ vựng, cấu trúc, ngữ pháp

01 báo cáo về các kênh tự học (website, web page trên mạng Internet)

* Có thể mời báo cáo viên dày dặn kinh nghiệm, chuyên môn cao ngoài trường báo cáo, giáo viên tổ bộ môn báo cáo, học sinh khóa trước báo cáo.

* Sau mỗi báo cáo cần thiết có sự thảo luận, đặt câu hỏi của học sinh nhằm tạo ra một diễn đàn mở giúp học sinh cảm thấy hứng thú và tiếp nhận phương pháp học hiệu quả.

* Xen kẽ chương trình có thể áp dụng các trò chơi liên quan đến diễn đàn (tham khảo mục Trò chơi ở phần Câu lạc bộ học thuật).

- **Gợi ý chương trình Thi hùng biện tiếng Anh** (Speaking Contest)

Đối tượng tham gia: Tất cả học sinh có năng lực tiếng Anh (không nên cắt cử mỗi lớp cử danh sách tham gia) nhằm khuyến khích số lượng lớn học sinh tham gia.

- Vòng sơ khảo

Có thể tiến hành 1 trong 2 hình thức sau:

+ Hình thức 1: Phỏng vấn nhanh

BTC (Tổ bộ môn) tiến hành phỏng vấn trực tiếp thí sinh. Mỗi thí sinh được phỏng vấn 5-7 phút với những câu hỏi ngắn về các chủ đề quen thuộc đối với học sinh như sở thích, kế hoạch tương lai, cảm nghĩ về trường, lớp, nơi sinh sống, hoạt động giải trí (thể thao, âm nhạc...). Mỗi chủ đề nên chỉ đặt 1 câu hỏi.

Chọn 10 học sinh xuất sắc nhất thi Chung kết.

Tiêu chí đánh giá: (1) Năng lực sử dụng ngôn ngữ (language use), (2) Độ trôi chảy (fluency), (3) Độ chính xác (accuracy), (4) Độ tự tin và năng lực trình bày (confidence and performance).

+ Hình thức 2: Gửi bài thuyết trình

Yêu cầu thí sinh chọn đề tài yêu thích để viết bài hùng biện. Đồng thời yêu cầu làm PowerPoint để trình chiếu minh họa cho bài hùng biện (có tranh ảnh hoặc video clip minh họa).

BTC tiến hành chấm sơ khảo để chọn 10 học sinh có bài xuất sắc nhất vào Chung kết.

* Đối với học sinh THCS, giáo viên trong Tổ bộ môn và Ban tổ chức HĐNK tư vấn đề tài, Powerpoint và sửa bài cho học sinh trước khi gửi bài.

- Vòng chung kết: Gồm các nội dung thi như sau:

+ Giới thiệu ngắn gọn về bản thân, gia đình, trường, lớp...đang học (khoảng 01 phút);

+ Hùng biện về 1 đề tài học sinh yêu thích (lấy phần bài đã chuẩn bị ở *Hình thức 2 Vòng sơ khảo*). Thời gian hùng biện tối đa 5 phút;

+ Bốc thăm 1 trong 4 chủ đề hùng biện sau:

- *What do you do to protect our environment? Why?*
- *Learning English is very useful for your future job. What do you think about it?*
- *How to keep your school green – clean – beautiful.*
- *Living in the countryside is more comfortable than living in the city. Do you agree or disagree?*

+ Trả lời 2 câu hỏi của giám khảo liên quan đến chủ đề hùng biện.

Cách chấm điểm: Điểm của thí sinh sẽ là điểm trung bình cộng của các giám khảo chấm độc lập. Phần thi được chấm theo thang điểm 20, gồm các tiêu chí: Nội dung (content): 6 điểm; Năng lực sử dụng ngôn ngữ (language use): 3 điểm; Độ trôi chảy (fluency): 2 điểm; Độ chính xác (accuracy): 2 điểm; Sự tự tin và năng lực trình bày (confidence and performance): 2 điểm; Trả lời 2 câu hỏi của Ban giám khảo (questions): 5 điểm.

- ***Phong trào “Tuần sử dụng tiếng Anh” vào dịp lễ lớn***

Vào các dịp lễ trong năm như Ngày Quốc tế phụ nữ 08/03, Ngày thành lập Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ chí Minh 26/03, Ngày thành lập Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam 20/10, Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, giáo viên và các tổ chức đoàn thể trong trường phát động phong trào ***“Tuần sử dụng tiếng Anh”*** cho tất cả học sinh và giáo viên toàn trường.

Tổ bộ môn soạn nội dung theo chủ đề của ngày lễ, cung cấp vốn từ và các mẫu hội thoại và dán ở bảng tin, ở cửa lớp để học sinh có thể vận dụng giao tiếp.

Có hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân tích cực sử dụng tiếng Anh trong tuần đó để động viên, khích lệ.

Có thể nói, với những hình thức nội dung hoạt động phong phú, đa dạng, hấp dẫn, HĐNK cần thiết triển khai một cách tích cực và hiệu quả tại các trường THCS và THPT nhằm tạo môi trường thực hành tiếng bền vững, mở rộng vốn hiểu biết cho học sinh, nâng cao độ tự tin trong giao tiếp... từ đó có thể xây dựng một cộng đồng học tiếng Anh và mang lại thái độ học tập tích cực trong quá trình học ngoại ngữ của học sinh. Đây cũng là yếu tố vô cùng quan trọng trong việc hỗ trợ hoạt động dạy của giáo viên. Hy vọng các mô hình HĐNK trên sẽ phần nào giải quyết được thực trạng tổ chức HĐNK hiện nay tại các trường THCS và THPT.